

صحيح الدعاء والثناء على الله تعالى

Lời Cầu Xin Và Tán Dương Chuẩn Xác Về Allah Tối Cao

Tiền sĩ ‘Abdullah bin Hamud Al-Furaih

Lễ nghĩa cầu xin

Các lời tán dương về
Allah Tối Cao

Các lời cầu xin bằng Qur'an

Các lời cầu xin trong lễ
nguyện Salah

Các lời cầu xin bằng Hadith

Các lời cầu cứu bằng Hadith

Các lời cầu xin bằng niệm chú

Các lời tụng niệm sáng và chiều

د. عبد الله بن حمود الفريح

Nhấn vào đây để chuyển chủ đề đến lời
tụng niệm và cầu xin riêng theo ý



[doaa.eqtidaa.com](http://doa.eqtidaa.com)



Lời Giới Thiệu

Alhamdulillah (tạ ơn Allah), Đấng Chúa Tể của vũ trụ và vạn vật. Cầu xin Allah ban bình an và phúc lành cho vị Nabi cao quý của Ngài, cho gia quyến của Người và tất cả các vị Sahabah của Người. Đây là quyển sách thiết thực tập hợp nhiều thể loại cầu xin (như tán dương về Allah; cầu xin bằng Qur'an; cầu xin và các lời cầu cứu của Người ﷺ; lời niệm chú được phép; và các lời tụng niệm sáng và chiều) Ngoài ra còn có lễ nghĩa cầu xin, tôi chỉ trích lục toàn những lời

cầu xin chuẩn xác nhằm tạo động lực giúp tín đồ Muslim nỗ lực cầu xin chuẩn theo Qur'an và Sunnah để mang lại bao điều tốt đẹp. Tôi sắp xếp mỗi lời cầu xin bằng tiếng Ả-rập được kèm theo bản dịch Việt ngữ, có kèm theo phần phiên âm lời cầu xin đó. Tôi chú thích phần trích lục Hadith Sahih đó ở phần cuối quyển sách. Khẩn cầu Allah Tối Cao đón nhận việc làm này của tôi, cầu xin Allah ban bình an và phúc lành cho vị Nabi của chúng ta, Muhammad, cho gia quyến và cho tất cả bằng hữu của Người.

Tiền sĩ 'Abdullah bin Hamud Al-Furaih





Trước mặt là các lời cầu xin



- Tín đồ Muslim thân mến, bạn là người nghèo khổ trước Thượng Đế giàu có.
- Xin gửi đến bạn các lời cầu xin được truyền lại . . . cho nên bạn hãy chuẩn bị con tim của bạn.
- Đây là những lời cầu xin tập hợp tất cả điều tốt đẹp.
- Bạn hãy cố gắng thuộc lòng nhiều nhất có thể.
- Bao nhiêu lời cầu xin mới đủ cho tất cả nhu cầu của bạn
- Tuy đây là những lời cầu xin ngắn gọn nhưng ý nghĩa rất sâu rộng
- Không cần gì ở bạn ngoài việc hãy cố gắng tập trung
- và thể hiện sự thành tâm trước Thượng Đế của bạn.

Lễ nghĩa khi cầu xin

Thứ nhất: Yêu cầu người cầu xin phải chân thành trong lời cầu xin hướng về Allah Tối Cao, một lòng tin rằng chỉ Allah Tối Cao duy nhất là Đấng Toàn Năng đáp lại lời cầu xin của mình. Vì vậy, không cầu xin bất cứ ai ngoài Allah Tối Cao và cũng không nài nỉ ai khác ngoài Ngài dù cho đó là Nabi, là Wali, là Thiên Thần, là hiền nhân hoặc bất cứ ai khác cũng đều không, Allah Tối Cao phán:

[غافر: ١٤] ﴿فَادْعُوا اللَّهَ مُخْلِصِينَ لَهُ الدِّينَ﴾

{Bởi thế, các người hãy cầu

nguyện Allah, thành tâm với Ngài trong tôn giáo} (chương 40 – Ghafir: 14).

Thứ hai: Bạn cần phải biết rằng việc tập trung vào lời cầu xin bằng cả trái tim lẫn thể xác là hình thức thờ phượng vĩ đại được Allah Tối Cao yêu thích, và luôn duy trì hiện trạng cầu xin như thể bất cần việc lời cầu xin được đáp lại.

Thứ ba: Yêu cầu bạn tin tưởng tuyệt đối vào Allah Tối Cao Ngài thừa khả năng đáp lại lời cầu xin của bạn, bạn không cần phải nhờ vả, lo lót cho tạo vật (hoặc ai đó) giúp bạn được đến gần Allah Tối Cao hơn. Hành động đó bị xem là Bid'ah

khiến tín đồ Muslim vi phạm giáo luật về việc này.

Thứ tư: Allah Tối Cao mừng tột cùng trước sự sám hối ăn năn của bạn, việc bạn hướng về Ngài mặc dù trước đó khoảng cách của bạn và Ngài rất rộng bởi tội lỗi của bạn. Cảnh báo việc bạn chột nghĩ mình bị mất cơ hội được đáp lại lời cầu xin hoặc thất vọng vào lòng thương xót của Allah. Ngược lại, hãy cảm nhận việc Allah rất đổi mừng rỡ trước sự sám hối và tâm lòng của bạn hướng về Ngài – Ngài là Đấng Giàu Có – hãy luôn khắc ghi câu Kinh:

﴿إِنَّ اللَّهَ يَغْفِرُ الذُّنُوبَ جَمِيعًا﴾ [Zمر: ۵۳]

{Chắc chắn Allah sẽ tha thứ tất

cả tội lỗi (cho những ai quay về sám hối với Ngài)} (chương 39 – Az-Zumar: 53) và câu Kinh:

﴿وَإِذَا سَأَلَكَ عِبَادِي عَنِّي فَإِنِّي قَرِيبٌ أُجِيبُ

دَعْوَةَ الدَّاعِ إِذَا دَعَانِ﴾ [بقره: ١٨٦]

{Và khi bày tội của TA hỏi Người (Muhammad) về TA thì Người hãy bảo họ rằng quả thật TA ở rất gần, TA luôn đáp lại lời cầu xin của ai cầu xin TA.} (chương 2 – Al-Baqarah: 186).

Thứ năm: Yêu cầu nguồn lương thực của người cầu xin phải từ nguồn thu nhập Halal, bởi nguồn Haram là rào cản khiến lời cầu xin không được chấp nhận, bởi Hadith do Abu Huroiroh dẫn lời

«الرَّجُلُ يُطِيلُ السَّفَرَ أَشْعَثَ أَغْبَرَ، يَمُدُّ يَدَيْهِ
إِلَى السَّمَاءِ، يَا رَبِّ، يَا رَبِّ، وَمَطْعَمُهُ حَرَامٌ،
وَمَشْرَبُهُ حَرَامٌ، وَمَلْبَسُهُ حَرَامٌ، وَغُذِيَ بِالْحَرَامِ،
فَأَنَّى يُسْتَجَابُ لِذَلِكَ؟»:

Thiên Sứ kể về một người đàn ông đang trong chuyến đi xa với đầu tóc rối bù, thân hình dơ bẩn vì đường dài (và gặp phải khó khăn cần giúp đỡ), y đưa hai tay lên trời mà khấn vái: Lạy Thượng Đế của bê tôi, lạy Thượng Đế của bê tôi, trong khi đó thức ăn của y Haram, nước uống của y Haram, quần áo của y Haram và cơ thể của y được phát triển từ thứ Haram. Thế thì làm sao lời cầu xin của y được chấp nhận đây.” (Do Muslim ghi số 1015)

Thứ sáu: Người cầu xin nên áp dụng đúng theo lễ nghĩa và đường lối Sunnah khi cầu xin, gồm:

1 Cầu xin Allah trên hiện trạng sạch sẽ sau khi lấy Wudu như chuẩn bị lễ nguyện Salah vậy.

Bởi theo hai bộ Sahih từ Hadith do Abu Musa kể về câu chuyện giữa ông và người chú của mình Abu ‘Amir, trong đó đoạn là Abu ‘Amir dặn dò Abu Musa nhờ Nabi ﷺ cầu xin cho ông. Abu Musa chuyển lời đến Thiên Sứ thì Người cho gọi mang nước đến, rồi Người lấy Wudu, rồi Người giơ hai bàn tay lên mà cầu xin:

«اللَّهُمَّ اغْفِرْ لِعَبِيدِي، أَبِي عَامِرٍ»

“Lạy Allah, xin hãy tha thứ cho

người nô lệ nhỏ bé này Abu ‘Amir.”
Lúc đó tôi nhìn thấy cả làng da
trắng dưới hai nách người luôn, rồi
Người cầu xin tiếp:

«اللَّهُمَّ اجْعَلْهُ يَوْمَ الْقِيَامَةِ فَوْقَ كَثِيرٍ مِنْ
خَلْقِكَ، أَوْ مِنَ النَّاسِ»:

“Lạy Allah, xin Ngài nâng cao
địa vị của y hơn bao tạo vật của
Ngài trong Ngày Tận Thế hoặc
trong thiên hạ.” Do Al-Bukhari ghi
số (4323), Muslim ghi số (2498).

2 Hướng mặt về Qiblah.

3 Giơ hai bàn tay lên.

Bằng chứng cho cả hai điều này
là Hadith từ ‘Abdullah bin ‘Abbas
kể: Ông ‘Umar bin Al-Khattab

đã kể cho tôi nghe trong ngày đại chiến Badr, Thiên Sứ của Allah đã hướng mắt nhìn vào đoàn quân đa thần gồm cả ngàn quân trong khi Sahabah của Người chỉ có mỗi ba trăm mười chín người đàn ông, xong Người hướng đến Qiblah và giơ cao hai bàn tay lên mà khẩn vái Thượng Đế của Người:

«اللَّهُمَّ أَنْجِزْ لِي مَا وَعَدْتَنِي، اللَّهُمَّ آتِ مَا وَعَدْتَنِي»:

“Lạy Allah, xin hãy ban chiến thắng cho bề tôi như Ngài đã hứa với bề tôi, Lạy Allah, xin hãy ban cho bề tôi điều Ngài đã hứa với bề tôi . . .” Do Muslim ghi số (1763).

4 Mở đầu lời cầu xin bằng lời

tán dương về Allah Toàn Năng và Hiên Vinh, rồi đến cầu xin bình an và phúc lành cho Thiên Sứ Muhammad của Ngài, bởi theo Hadith do Fadhalah bin ‘Ubaid, một vị Sahabah cao quý của Thiên Sứ kể: Khi Thiên Sứ của Allah nghe được một người đàn ông cầu xin nhưng ông ta đã không bắt đầu bằng lời tán dương Allah Tối Cao và cũng không cầu xin bình an và phúc lành cho Nabi, thấy vậy Thiên Sứ của Allah nói: «عَجَلَ هَذَا»: “Tên này đã quá vội vã.” Rồi Người gọi ông ta lại bảo:

«إِذَا صَلَّى أَحَدُكُمْ، فَلْيَبْدَأْ بِتَمْجِيدِ رَبِّهِ جَلَّ

وَعَزَّ، وَالثَّنَاءِ عَلَيْهِ، ثُمَّ يُصَلِّي عَلَى النَّبِيِّ صَلَّى اللَّهُ عَلَيْهِ وَسَلَّمَ، ثُمَّ يَدْعُو بَعْدُ بِمَا شَاءَ»:

“Khi ai đó trong các người muốn cầu xin thì hãy bắt đầu bằng lời tán dương Allah, kế tiếp là cầu xin bình an và phúc lành cho Nabi, rồi hãy cầu xin bất cứ gì mình muốn sau đó.” Tốt nhất cho việc tụng niệm Allah với các câu Kinh bắt đầu bằng từ Alhamdulillah ở đầu các chương Kinh – sẽ được trình bày cụ thể hơn ở bên dưới – rồi cầu xin bình an và phúc lành cho Nabi, rồi tán dương Allah bằng các hình thức tán dương khác – sẽ được trình bày cụ thể hơn ở bên dưới – có thể lời cầu xin có cơ hội chấp nhận cao hơn.

5 Cầu xin Allah Tối Cao bằng tâm trí và tấm lòng tin tuyệt đối được Ngài chấp nhận lời cầu xin đó, song không nôn nóng vội vã mong thấy được điều cầu xin, mà một lòng tin rằng rồi Allah sẽ đáp lại lời cầu xin của mình đó thôi, như theo Abu Huroiroh dẫn lời Nabi đã từng nói:

«لَا يَزَالُ يُسْتَجَابُ لِلْعَبْدِ، مَا لَمْ يَدْعُ بِإِثْمٍ أَوْ قَطِيعَةٍ رَحِمٍ، مَا لَمْ يَسْتَعْجِلْ»:

“Lời cầu xin của một nô lệ luôn được đáp lại miễn sao y không cầu xin điều tội lỗi hoặc đoạn tuyệt dòng tộc, song không nôn nóng.” Có lời hỏi: Thừa Thiên Sứ của Allah, nôn

nóng nghĩa là sao? Người đáp:

«يَقُولُ قَدْ دَعَوْتُ وَقَدْ دَعَوْتُ، فَلَمْ أَرَيْسْتَجِيبُ
لي، فَيَسْتَحْسِرُ عِنْدَ ذَلِكَ وَيَدْعُ الدُّعَاءَ»:

- “Y nói: Tôi đã cầu xin rồi, tôi đã cầu xin không ngừng nhưng nào có thấy chấp nhận gì đâu, thế là y bỏ ngang từ đó và không màng đến lời cầu xin thêm nữa.” Do Muslim ghi số (2735).

6 Cầu xin Allah Tối Cao bằng các tên cao quý của Ngài, thay đổi các tên gọi cho phù hợp điều muốn cầu xin, chẳng hạn như muốn cầu xin bổng lộc thì gọi tên “lạy Đấng Ban Phát”; khi muốn cầu xin lòng thương xót thì gọi tên “lạy

Đấng ĐỘ LƯỢNG, lạy Đấng KHOAN DUNG”; khi muốn cầu xin vinh quang thì gọi tên “lạy Đấng TOÀN NĂNG”; khi muốn cầu xin sự tha thứ thì gọi tên “lạy Đấng HẰNG THA”; khi muốn cầu xin khỏi bệnh tật thì gọi “lạy Đấng BAN CHO KHỎI BỆNH”; cứ như thế mà thay đổi các tên gọi của Allah cho phù hợp với nguyện vọng muốn cầu xin, bởi Đấng Tối Cao đã phán:

﴿وَلِلَّهِ الْأَسْمَاءُ الْحُسْنَىٰ فَادْعُوهُ بِهَا﴾ [الأعراف: ١٨٠]

{Allah có các tên gọi tốt đẹp nhất, bởi thế, các người hãy cầu nguyện Ngài với những tên gọi đó.} (chương 7 – Al-‘Araf: 180).

7 Lặp lại lời cầu xin và nài nỉ

Allah Tối Cao điều mình muốn, bởi theo Hadith Ibnu ‘Abbas kể về lời cầu xin của Nabi cho các Sahabah trong ngày Badr, Người khẩn vái:

«اللَّهُمَّ أَنْجِزْ لِي مَا وَعَدْتَنِي، اللَّهُمَّ آتِ مَا وَعَدْتَنِي»:

“Lạy Allah, xin hãy thực hiện điều mà Ngài đã hứa với bề tôi, lạy Allah xin hãy ban cho bề tôi điều mà Ngài đã hứa với bề tôi.” Cứ thế Người lặp đi lặp lại lời cầu xin đến khi chiếc áo khoác rơi khỏi đôi vai của Người, ông Abu Bakr nhặt và choàng lại cho Người và trấn an: “Thưa Nabi của Allah, cầu xin Thượng Đế của Người bấy nhiêu đó đã đủ rồi.” Do Muslim ghi số (1763).

Tương tự như được trích từ hai bộ Sahih Al-Bukhari và Muslim, từ ông Abu Huroiroh khi Nabi cầu xin cho dòng tộc Dâus:

«اللَّهُمَّ اهْدِ دَوْسًا وَاَنْتِ بِهِمْ، اللَّهُمَّ اهْدِ دَوْسًا

وَاَنْتِ بِهِمْ»:

“Lạy Allah, xin hãy hướng dẫn dòng tộc Dâus và mang họ đến đây, lạy Allah, xin hãy hướng dẫn dòng tộc Dâus và mang họ đến đây.” Do Al-Bukhari ghi số (2937) và Muslim ghi số (2524).

8 Cầu xin ở nơi kín đáo riêng tư, bởi Đấng Tối Cao đã phán:

﴿ادْعُوا رَبَّكُمْ تَضَرُّعًا وَخُفْيَةً﴾ [الأعراف: ٥٥]

{Các người (hỡi những người có

đức tin) hãy cầu nguyện Thượng Đế của các ngươi trong sự khiêm nhường và riêng tư (âm thầm, kín đáo).} (chương 7 – Al-‘Araf: 55), và hơn nữa sự kín đáo thể hiện chân tâm cao hơn, vì lẽ đó mà Allah Tối Cao đã tuyên dương lời cầu xin của Nabi Zakariya đã cầu xin bằng hình thức này:

﴿إِذْ نَادَى رَبَّهُ وَنِدَاءً خَفِيًّا﴾ [مريم: 3]

{Khi Y âm thầm thành tâm khẩn nguyện Thượng Đế của Y.} (chương 19 – Maryam: 3). Lời cầu xin yêu cầu phải có chân tâm, đó là câu nói của những học giả Tafsir Kinh Qur’an.

9 Tập trung nhiều vào việc tụng niệm và tán dương Allah Tối Cao, quả thật Ngài rất yêu thích việc một nô lệ tận tâm nhiều nhất đến việc tán dương Ngài, để có được hình thức thờ phượng Allah bằng cách tán dương Ngài, bằng không thì Allah là Đấng Giàu Có vốn không cần đến đám bày tôi của Ngài, như theo hai bộ Sahih, từ Hadith của Ibnu Mas'ud dẫn lời Thiên Sứ đã nói:

«وَلَا أَحَدٌ أَحَبَّ إِلَيْهِ الْمَدْحُ مِنَ اللَّهِ وَلِذَلِكَ
مَدَحَ نَفْسَهُ»:

“Không có ai được Allah yêu thích hơn người tán dương Ngài cả, bởi đó là cách Ngài tự tán dương Mình.”

10 Người cầu xin chọn thời điểm lời cầu xin được đáp lại mà cầu xin Allah Tối Cao.

Các thời điểm mà lời cầu xin được chấp nhận như được truyền lại từ văn bản: Cầu xin giữa Azdan và Iqamah, một phần ba cuối của đêm, một khắc trong ngày thứ sáu, sau mỗi lần xong lễ nguyện Salah bắt buộc, lúc quỳ lạy, lúc trời đang đổ mưa, người Muslim âm thầm cầu xin cho người Muslim khác, lời cầu xin của cha cho con, cầu xin lúc đang đi đường xa, cầu xin lúc bị đàn áp.



صَاحِبِ الدُّعَا وَالشَّيْءِ عَلَى اللَّهِ تَعَالَى

Các lời tán dương
Allah Toàn
Năng và Hiển Vinh





﴿الْحَمْدُ لِلَّهِ رَبِّ الْعَالَمِينَ﴾ ﴿٢﴾ الرَّحْمَنِ
﴿الرَّحِيمِ﴾ ﴿٣﴾ مَلِكِ يَوْمِ الدِّينِ ﴿٤﴾

[الفاتحة: ٢-٤]

Ý nghĩa: {(2) Alhamdulillah (xin tạ ơn, ca ngợi và tán dương Allah), Thượng Đế của vũ trụ và vạn vật. (3) Đấng Độ Lượng, Đấng Khoan Dung. (4) Đấng Toàn Quyền của Ngày Thương Phạt.} (chương 1 – Al-Fatihah: 2 – 4).



﴿الْحَمْدُ لِلَّهِ فَاطِرِ السَّمَوَاتِ وَالْأَرْضِ
جَاعِلِ الْمَلَائِكَةِ رُسُلًا أُولِي أَجْنِحَةٍ مَّثْنَى
وَتُكْلَتَ وَرُبْعَ يَزِيدُ فِي الْخَلْقِ مَا يَشَاءُ إِنَّ
اللَّهَ عَلَى كُلِّ شَيْءٍ قَدِيرٌ﴾ [فاطر: ١]

Ý nghĩa: {Alhamdulillah, Đấng đã tạo hóa các tầng trời và trái đất; Ngài đã chỉ định các Thiên Thần làm các Sứ Giả (của Ngài), họ sở hữu những chiếc cánh: hai, ba, hoặc bốn. Ngài thêm vào sự tạo hóa bất cứ thứ gì Ngài muốn. Quả thật, Allah là Đấng Toàn Năng trên tất cả mọi thứ.} (chương 35 – Fatir: 1)



﴿الْحَمْدُ لِلَّهِ الَّذِي خَلَقَ السَّمَوَاتِ وَالْأَرْضَ
وَجَعَلَ الظُّلُمَاتِ وَالنُّورَ﴾ [الأنعام: ١]

Ý nghĩa: {Alhamdulillah, Đáng đã tạo hóa các tầng trời và trái đất và làm ra bóng tối (ban đêm) và ánh sáng (ban ngày). Tuy nhiên, những kẻ vô đức tin cứ ngang nhiên dựng lên các đối tác ngang vai cùng với Thượng Đế của họ.} (chương 6 – Al-An'am: 1)



﴿الْحَمْدُ لِلَّهِ الَّذِي لَهُ مَا فِي السَّمَوَاتِ وَمَا فِي الْأَرْضِ وَلَهُ الْحَمْدُ فِي الْآخِرَةِ وَهُوَ الْحَكِيمُ الْخَبِيرُ﴾ [سبأ: ١]

Ý nghĩa: {Alhamdulillah, Đấng mà mọi vật trong các tầng trời và mọi vật trong trái đất đều là của Ngài, Đấng mà mọi lời ca ngợi và tán dương ở Đời Sau đều thuộc về một mình Ngài. Ngài là Đấng Sáng Suốt, Đấng Thông Toàn.} (chương 34 – Saba’: 1)



«الْحَمْدُ لِلَّهِ حَمْدًا كَثِيرًا طَيِّبًا مُبَارَكًا فِيهِ»

*Al ham du lil laa hi ham đanh ka
thi ron, toy yi banh, mu baa ra canh
fi-h.*

(Ý nghĩa: Xin tạ ơn, ca ngợi và tán
dương Allah, chỉ vì Ngài thành tâm
ca ngợi, tán dương, hồng phúc thay
cho điều đó)



«رَبَّنَا لَكَ الْحَمْدُ مِثْلُ السَّمَاوَاتِ وَالْأَرْضِ،
وَمِثْلُ مَا شِئْتَ مِنْ شَيْءٍ بَعْدُ، أَهْلَ الشَّيْءِ
وَالْمَجْدِ، أَحَقُّ مَا قَالَ الْعَبْدُ، وَكُنَّا لَكَ عَبْدٌ:
اللَّهُمَّ لَا مَانِعَ لِمَا أَعْطَيْتَ، وَلَا مُعْطِيَ لِمَا
مَنْعْتَ، وَلَا يَنْفَعُ ذَا الْجَدِّ مِنْكَ الْجَدُّ»

*Rab ba naa la kal ham du, mil us sa
maa waa ti wal ar dhi, wa mil u maa
shi' ta min shay in ba'd, ah lath tha
na wal maj di, a haq qu maa qo lal
'ab du, wa kul lu na la ka 'ab du. Ol
lo hum ma laa maa ni 'a li maa 'a toy
ta, wa laa mu' ti ya li maa ma na' ta,
wa la yan fa 'u zal jad di min kal jad.*

(Ý nghĩa: Lạy Thượng Đế của bày tôi, kính dâng lên Ngài lời tạ ơn đầy ắp cả các tầng trời, dưới đất và vạn vật giữa chúng, và đầy ắp cả những gì Ngài muốn sau đó. Allah là Chủ Nhân của mọi lời ca tụng tán dương, là Đấng nắm giữ mọi uy quyền, là Đấng xứng đáng được đấm nô lệ của Ngài ca tụng, và tất cả bày tôi đều là nô lệ của Ngài. Lạy Allah, sẽ không có quyền thống trị nào ngăn cản với những gì Ngài đã ban phát cũng như không có thế lực nào ban phát khi Ngài đã ngăn cấm và cũng không có sự giàu có nào giúp đỡ được bản thân y đối với Ngài (ngoại trừ những việc làm tốt đẹp).)



«اللَّهُمَّ لَكَ الْحَمْدُ كُلُّهُ، وَإِلَيْكَ يَرْجِعُ الْأَمْرُ
كُلُّهُ»

*Ol lo hum ma la kal ham du kul luh,
wa i lay ka yar ji 'ul am ru kul luh.*

(ý nghĩa: Lạy Allah, tất cả lời tạ ơn, ca ngợi và tán dương đều là của Ngài, và hướng đến Ngài tất cả đều trở về trình diện Ngài).

4

«اللَّهُمَّ رَبَّنَا لَكَ الْحَمْدُ أَنْتَ قَيِّمُ السَّمَوَاتِ
 وَالْأَرْضِ، وَلَكَ الْحَمْدُ أَنْتَ رَبُّ السَّمَوَاتِ
 وَالْأَرْضِ وَمَنْ فِيهِنَّ، وَلَكَ الْحَمْدُ أَنْتَ نُورُ
 السَّمَوَاتِ وَالْأَرْضِ وَمَنْ فِيهِنَّ، أَنْتَ الْحَقُّ،
 وَقَوْلِكَ الْحَقُّ، وَوَعْدُكَ الْحَقُّ، وَلِقَاؤُكَ الْحَقُّ،
 وَالْجَنَّةُ حَقٌّ، وَالنَّارُ حَقٌّ، (وَالنَّبِيُّونَ حَقٌّ،
 وَمُحَمَّدٌ صَلَّى اللَّهُ عَلَيْهِ وَسَلَّمَ حَقٌّ) وَالسَّاعَةُ
 حَقٌّ، اللَّهُمَّ لَكَ أَسْلَمْتُ، وَبِكَ آمَنْتُ، وَعَلَيْكَ
 تَوَكَّلْتُ، (وَإِلَيْكَ أَنْبْتُ) وَإِلَيْكَ خَاصَمْتُ، وَبِكَ
 حَاكَمْتُ، فَاغْفِرْ لِي مَا قَدَّمْتُ وَمَا أَخَّرْتُ،
 وَأَسْرَرْتُ وَأَعْلَنْتُ، وَمَا أَنْتَ أَعْلَمُ بِهِ مِنِّي،
 (أَنْتَ الْمُقَدِّمُ، وَأَنْتَ الْمُؤَخِّرُ) لَا إِلَهَ إِلَّا أَنْتَ»

*Ol lo hum ma la kal ham du, anh ta
goi yi mus sa maa waa ti wal ardh;
wa la kal ham du, anh ta rab bus sa
maa waa ti wa ardh dhi wa man fi
hin; wa la kal ham du, anh ta nu rus
sa maa waa ti wal ardh dhi wa man
fi hin; anh tal haq, wa qâu lu kal
haq, wa wa' du kal haq, wa li qo u
kal haq, wal jan na tu haq, wal naa
ru haq, (wan na bi yu na haq, wa
mu ham mad sol lol lo hu a' lai hi
wa sal lam haq), was saa a' tu haq.
Ol lo hum ma la ka as lam tu, wa bi
ka ã man tu, wa a' lai ka ta wak kal
tu, (wa i lay ka a nab tu), wa bi ka
kho sam tu, wa i lay ka haa kam tu.
Fagh fir li maa qad dam tu, wa maa*

*akh khar tu, wa maa as rar tu, wa
maa a' lan tu, anh tal mu qad dim,
wa anh tal mu akh khir, laa i laa ha
il laa anh ta, anh ta i laa hi laa i laa
ha il laa anh ta.*

(ý nghĩa: Lạy Allah, tất cả mọi lời ca ngợi tán dương đều là của Ngài, Ngài là Đấng dựng lên trời; tất cả mọi lời ca ngợi tán dương đều là của Ngài, Ngài là Chủ Nhân, là Thượng Đế của trời, đất và tất cả vạn vật trong chúng; tất cả mọi lời ca ngợi tán dương đều là của Ngài, Ngài là Ánh Sáng của trời, đất và tất cả vạn vật trong chúng. Ngài luôn hiện hữu; lời hứa của Ngài, lời nói của Ngài và cuộc gặp gỡ Ngài

là điều hiển nhiên; Thiên Đàng, Hỏa Ngục và các Thiên Sứ là thực; Muhammad ﷺ là thực; Ngày Tận Thế là thực. Lạy Allah, vì Ngài bênh tôi phủ phục, vì Ngài bênh tôi ủy thác, vì Ngài bênh tôi tin tưởng, vì Ngài bênh tôi sám hối và vì Ngài bênh tôi Jihaad và cũng vì Ngài bênh tôi phân xử. Cầu xin hãy tha thứ cho bênh tôi mọi tội lỗi của quá khứ; mọi tội lỗi của tương lai; mọi tội lỗi thâm kín; mọi tội lỗi đã phơi bày. Ngài là Đấng Khởi Điểm, là Đấng Kết Thúc, Đấng mà không có Thượng Đế nào địch thực ngoại trừ Ngài, Ngài là Thượng Đế của bênh tôi mà không có Thượng Đế nào địch thực ngoại trừ Ngài.)



اللَّهُمَّ مَلِكُ الْمُلْكِ تُؤْتِي الْمُلْكَ مَنْ تَشَاءُ
وَتَنْزِعُ الْمُلْكَ مِمَّنْ تَشَاءُ وَتُعِزُّ مَنْ تَشَاءُ
وَتُذِلُّ مَنْ تَشَاءُ بِيَدِكَ الْخَيْرُ إِنَّكَ عَلَىٰ كُلِّ
شَيْءٍ قَدِيرٌ ﴿٢٦﴾ تُوَلِّجُ اللَّيْلَ فِي النَّهَارِ وَتُوَلِّجُ
النَّهَارَ فِي اللَّيْلِ وَتُخْرِجُ الْحَيَّ مِنَ الْمَيِّتِ
وَتُخْرِجُ الْمَيِّتَ مِنَ الْحَيِّ وَتَرْزُقُ مَنْ تَشَاءُ

بِغَيْرِ حِسَابٍ ﴿٢٧﴾ [آل عمران: ٢٦-٢٧]

Ý nghĩa: { (26) Người (hỡi Thiên Sứ Muhammad) hãy nói: “Lạy Allah, Đức Vua nắm mọi vương quyền! Ngài muốn ban vương quyền cho

ai và lấy lại vương quyền từ ai là tùy ý Ngài, Ngài muốn ban vinh dự cho ai và hạ nhục bất cứ ai là tùy ý Ngài. Mọi điều tốt lành đều nằm trong tay Ngài; Quả thật, Ngài toàn năng trên tất cả mọi thứ.” (27) “Ngài nhập ban đêm vào ban ngày và nhập ban ngày vào ban đêm, Ngài rút cái sống ra từ cái chết và rút cái chết ra từ cái sống. Và Ngài ban phát bổng lộc vô kể cho ai Ngài muốn.”}

Đây là hai câu 26 và 27 của chương 3 – Ali ‘Imran‘ ở câu đầu bị xoá đi từ “Qul - hãy nói” để thuận lợi việc cầu xin.

5

«اللَّهُمَّ رَبَّ السَّمَوَاتِ وَرَبَّ الْأَرْضِ وَرَبَّ
الْعَرْشِ الْعَظِيمِ، رَبَّنَا وَرَبَّ كُلِّ شَيْءٍ، فَالِقَ
الْحَبِّ وَالنَّوَى، وَمُنزِلَ التَّوْرَةِ وَالْإِنْجِيلِ
وَالْفُرْقَانِ، أَعُوذُ بِكَ مِنْ شَرِّ كُلِّ شَيْءٍ
أَنْتَ آخِذٌ بِنَاصِيَتِهِ، اللَّهُمَّ أَنْتَ الْأَوَّلُ
فَلَيْسَ قَبْلَكَ شَيْءٌ، وَأَنْتَ الْآخِرُ فَلَيْسَ
بَعْدَكَ شَيْءٌ، وَأَنْتَ الظَّاهِرُ فَلَيْسَ فَوْقَكَ
شَيْءٌ، وَأَنْتَ الْبَاطِنُ فَلَيْسَ دُونَكَ شَيْءٌ،
اقْضِ عَنَّا الدَّيْنَ، وَأَغْنِنَا مِنَ الْفَقْرِ»

*Ol lo hum ma rab bas sa maa ti wa
rab bal ar dhi, wa rab bal 'ar shil*

*‘a zhi-m, rab ba naa wa rab ba kul
li shay, faa li qol hab bi wan na wa,
wa mun zi lat tau roh, wal in ji li,
wal fur qon, a ‘u zdu bi ka min shar
ri kul li shay anh ta ã khi zun bi naa
si ya tih. Ol lo hum ma anh tal au
wal fa lai sa qob la ka shay, wa anh
tal aa khir fa lai sa ba’ da ka shay,
wa anh taz zo hir fa lai sa fâu qo ka
shay, wa anh tal baa til fa lai sa du
na ka shay, iq dhi a’n nad dai na,
wa ugh ni naa mi nal faq ri.*

(ý nghĩa: Lạy Allah, Ngài là Chủ Nhân của các tầng trời và đất, là Chủ Nhân của chiếc ngai vương vĩ đại, là Chủ Nhân của bầy tôi và của

tất cả, Ngài đã tạo hóa hạt giống và cho chúng đâm chồi, Ngài đã thiên khai Taurah (Kinh Cựu Ước), Injil (Kinh Tân Ước) và Kinh Qur'an. Bề tôi van cầu Ngài che chở mọi điều xấu bởi tất cả đều bị Ngài cai quản. Lạy Allah, Ngài là Đấng Đầu Tiên mà không có gì trước Ngài, Ngài là Đấng Cuối Cùng mà không có gì sau Ngài, Ngài là Đấng Cao Nhất không có gì bên trên Ngài, Ngài là Đấng Trung Tâm mà không có gì bên trong Ngài, xin hãy giúp bề tôi trả nợ, xin hãy cho bề tôi thoát nghèo giàu có.)

6

«اللَّهُمَّ إِنِّي أُشْهِدُكَ وَأُشْهِدُ مَلَائِكَتَكَ
وَحَمَلَةَ عَرْشِكَ، وَأُشْهِدُ مَنْ فِي السَّمَاوَاتِ
وَمَنْ فِي الْأَرْضِ، أَنَّكَ أَنْتَ اللَّهُ لَا إِلَهَ إِلَّا
أَنْتَ وَحْدَكَ لَا شَرِيكَ لَكَ، وَأُشْهِدُ أَنَّ
مُحَمَّدًا عَبْدُكَ وَرَسُولُكَ»

*Ol lo hum ma in ni ush hi du ka, wa
ush hi du ma laa i ka tak, wa ha ma
la ta a'r shik, wa ush hi du man fis
sa maa waa ti wa man fil ar dhi, an
na ka an tol lo hu laa i laa ha il laa
anh ta wah da ka laa sha ri ka lak,
wa an na mu ham ma dan 'ab du ka
wa ro su luk.*

(ý nghĩa: Lạy Allah, bề tôi xin chứng nhận Ngài, xin chứng nhận các Thiên Thần (xung quanh) Ngài và các Thiên Thần khuân Ngai Vương của Ngài, và xin chứng nhận mọi thứ trên các tầng trời và mọi thứ ở dưới đất. Quả thực, Ngài là Allah mà không có Thượng Đế nào đích thực ngoại trừ Ngài duy nhất không có đối thủ ngang vai và Muhammad là Nô Lệ, là Thiên Sứ của Ngài.)



«اللَّهُمَّ إِنِّي أَسْأَلُكَ بِأَنِّي أَشْهَدُ أَنَّكَ أَنْتَ
اللَّهُ لَا إِلَهَ إِلَّا أَنْتَ الْأَحَدُ الصَّمَدُ، الَّذِي
لَمْ يَلِدْ وَلَمْ يُولَدْ وَلَمْ يَكُنْ لَهُ كُفُوًا أَحَدٌ»

*Ol lo hum ma in ni as a lu ka bi an
na ka an tol lo hu laa i laa ha il laa
anh ta, al a ha dus so mad, al la zi
lam ya lid wa lam yu lad, wa lam ya
kun la hu ku fu wan a had.*

(ý nghĩa: Lạy Allah, bẻ tôi cầu xin
Ngài bởi chính chứng nhận Ngài là
Allah, Đấng Duy Nhất mà không

có bất cứ Thượng Đế đích thực nào khác ngoài Ngài. Ngài là Đấng Tự Hữu (Ngài không cần ai nhưng tất cả đều cần Ngài). Ngài không sinh ra ai và cũng không do ai sinh ra, (mà là Đấng Tạo Hóa). Và không có một ai (cái gì) có thể so sánh cùng Ngài.)

Được truyền lại trong Hadith, đây là lời cầu xin bằng các tên vĩ đại nhất của Allah mà khi ai đó cầu xin bằng lời lẽ này là được đáp lại và khi khấn vái là được toại nguyện.

8

«لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ الْعَظِيمُ الْحَلِيمُ، لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ
اللَّهُ رَبُّ الْعَرْشِ الْعَظِيمِ، لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ
رَبُّ السَّمَاوَاتِ وَرَبُّ الْأَرْضِ وَرَبُّ الْعَرْشِ
الْكَرِيمِ»

*Laa i laa ha il lol lo hul 'a zi mul ha
lim, laa i laa ha il lol lo hu rab rul
'ar shil 'a zhi-m, laa i laa ha il lol lo
hu rab bus sa maa waa ti, wa rab bul
ar dhi, wa rab bul 'ar shil ka rim.*

(ý nghĩa: Không có Thượng Đế nào
đích thực ngoại trừ Allah, Đấng Vĩ
Đại, Đấng Kiên Nhẫn; không có
Thượng Đế nào đích thực ngoại
trừ Allah, Chủ Nhân của chiếc ngai

vương vĩ đại; không có Thượng Đế nào đích thực ngoại trừ Allah, Chủ Nhân của trời, đất và Chủ Nhân của chiếc ngai vương cao quý.)

Đây là loại cầu xin lúc hoạn nạn và lo lắng



«اللَّهُ، اللَّهُ رَبِّي لَا أُشْرِكُ بِهِ شَيْئًا»

*Ol lo hu, ol lo hu rab bi laa ush ri
ku bi hi shay a.*

(ý nghĩa: Allah, Allah, Thượng Đế của bề tôi và bề tôi sẽ không bao giờ tỏ hợp Ngài với bất cứ thứ gì.)

Đây là loại cầu xin lúc hoạn nạn và lo lắng

10

«لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ وَحْدَهُ لَا شَرِيكَ لَهُ، اللَّهُ
أَكْبَرُ كَبِيرًا، وَالْحَمْدُ لِلَّهِ كَثِيرًا، سُبْحَانَ
اللَّهِ رَبِّ الْعَالَمِينَ، لَا حَوْلَ وَلَا قُوَّةَ إِلَّا
بِاللَّهِ الْعَزِيزِ الْحَكِيمِ»

*Laa i laa ha il lol lo hu wah da hu
laa sha ri ka lah, ol lo hu ak bar ka
bi ro, waAl ham du lil laa hi ka thi
ro, wa sub haa nol lo hi rab bil ‘a la
mi-n, laa hâu la wa laa qu wa ta il
la bil laa hil ‘a zi zil ha ki-m.*

(ý nghĩa: Không có Thượng Đế đích thực nào khác ngoài Allah duy nhất không có điều gì ngang hàng với

Ngài, Allah vĩ đại nhất, xin tạ ơn và tán dương Allah thật nhiều, hiển vinh thay Allah Thượng Đế của vũ trụ và vạn vật và không có quyền uy và sức mạnh nào ngoài Đấng Toàn Năng, Đấng Nhãn Nại)

11

«لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ وَحْدَهُ لَا شَرِيكَ لَهُ، لَهُ
الْمُلْكُ، وَلَهُ الْحَمْدُ، وَهُوَ عَلَى كُلِّ شَيْءٍ
قَدِيرٌ، سُبْحَانَ اللَّهِ، وَالْحَمْدُ لِلَّهِ، وَلَا إِلَهَ
إِلَّا اللَّهُ، وَاللَّهُ أَكْبَرُ، وَلَا حَوْلَ وَلَا قُوَّةَ إِلَّا
بِاللَّهِ الْعَلِيِّ الْعَظِيمِ»

*Laa i laa ha il lol lo hu wah da hu
laa sha ri ka lah, la hul mul ku, wa
la hul ham du, wa hu wa 'a la kul li
shay in qo di-r, sub haa nol loh, wal
ham du lil lah, wa laa i laa ha il lol
loh, wol lo hu ak bar, wa laa hâu la
wa laa qu wa ta il la bil laa hil 'a li
yil 'a zhi-m.*

(ý nghĩa: Không có Thượng Đế đích thực nào khác ngoài Allah duy nhất không có điều gì ngang hàng với Ngài, quyền thống trị và lời tạ ơn, tán dương đều thuộc về Allah và Ngài toàn năng trên tất cả mọi thứ, hiển vinh thay Allah, xin tạ ơn Allah, không có Thượng Đế đích thực nào khác ngoài Allah, Allah vĩ đại nhất và không có quyền uy và sức mạnh nào ngoài Đấng Tối Cao, Đấng Vĩ Đại).

12

«لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ وَحْدَهُ، أَنْجَزَ وَعْدَهُ، وَنَصَرَ
عَبْدَهُ، وَهَزَمَ الْأَحْزَابَ وَحْدَهُ»

*Laa i laa ha il lol lo hu wah dah, an
ja za wa' dah, wa na so ro 'ab dah,
wa ha za mal ah zaa ba wah dah.*

(ý nghĩa: Không có Thượng Đế nào
đích thực ngoại trừ Allah, lời giao
ước của Allah giúp đỡ đảm nô lệ
của Ngài là thật và duy chỉ Ngài đã
hủy diệt phe đảng (chống đối).)



13

«اللَّهُمَّ أَنْتَ رَبِّي لَا إِلَهَ إِلَّا أَنْتَ، خَلَقْتَنِي
وَأَنَا عَبْدُكَ، وَأَنَا عَلَى عَهْدِكَ وَوَعْدِكَ مَا
اسْتَطَعْتُ، أَعُوذُ بِكَ مِنْ شَرِّ مَا صَنَعْتُ،
أَبُوءُ لَكَ بِنِعْمَتِكَ عَلَيَّ، وَأَبُوءُ لَكَ بِذَنْبِي
فَاغْفِرْ لِي، فَإِنَّهُ لَا يَغْفِرُ الذُّنُوبَ إِلَّا أَنْتَ»

*Ol lo hum ma anh ta rab bi, laa i laa
ha il laa anh ta, kho laq ta ni, wa a na
'ab duk, wa a na a' la a'h di ka, wa
wa'di ka, mas ta to'tu, a 'u zdu bi ka
min shar ri maa so na'tu, a bu u la
ka bi ne'ma ti ka a'lai, wa a bu u la
ka bi zdam bi, fagh fir li, fa in na hu
laa yagh fi ruz zu nu ba il laa anh ta.*

(Ý nghĩa: Lạy Allah, Ngài là Thượng Đế của bề tôi, không có Thượng Đế nào đích thực ngoại trừ Ngài, Ngài đã tạo hóa ra bề tôi, và bề tôi là nô lệ để tôn thờ Ngài. Bề tôi xin hứa, giao ước rằng chỉ tôn thờ Ngài duy nhất và làm theo mệnh lệnh của Ngài với tất cả mọi khả năng (có thể), bề tôi cầu xin Ngài che chở tránh mọi điều xấu mà bề tôi đã làm. Xin thừa nhận mọi hồng ân mà Ngài đã ban và xin thừa nhận những tội lỗi mà bề tôi đã phạm, vì thế cầu xin Ngài hãy tha thứ cho bề tôi. Quả thực, không có ai có khả năng tha thứ tội lỗi mà chỉ có Ngài.)

14

«اللَّهُمَّ إِنِّي أَسْأَلُكَ بِأَنَّ لَكَ الْحَمْدُ، لَا إِلَهَ إِلَّا أَنْتَ الْمَنَّانُ، بَدِيعُ السَّمَوَاتِ وَالْأَرْضِ، يَا ذَا الْجَلَالِ وَالْإِكْرَامِ، يَا حَيُّ يَا قَيُّومُ»

*Ol lo hum ma in ni as a lu ka bi an na
la kal ham du, laa i laa ha il laa anh
tal man na-n, ba di 'us sa ma waa ti
wal ar dhi, yaa zal ja laa li wal ik ro-
m, yaa hay yu yaa qoi yu-m.*

(ý nghĩa: Lạy Allah, quả thật bề tôi cầu xin Ngài bởi lẽ mọi lời tạ ơn và tán dương là của Ngài, Đáng mà không có Thượng Đế đích thực nào khác ngoài Ngài, Đáng Ban Phát, Đáng

Tạo Hoá các tầng trời và trái đất, lay Đấng Vĩ Đại, Đấng Rộng Lượng, lay Đấng Sống Mãi, Đấng Thống Lĩnh)

Được truyền lại trong Hadith, đây là lời cầu xin bằng các tên vĩ đại nhất của Allah mà khi ai đó cầu xin bằng lời lẽ này là được đáp lại và khi khẩn vái là được toại nguyện.



«سُبْحَانَكَ مَا أَعْظَمَكَ رَبَّنَا»

*Sub haa na ka maa 'a zho ma ka
rab ba naa.*

(ý nghĩa: Hiển vinh thay Ngài, Ngài vĩ đại làm sao Thượng Đế của bây tôi.)



16

«سُبْحَانَ ذِي الْجَبْرُوتِ وَالْمَلَائِكَةِ
وَالْكِبْرِيَاءِ وَالْعَظَمَةِ»

*Sub haa na zil ja ba rut, wal ma la
kut, wal kib ri ya, wal a'zho mah.*

(ý nghĩa: Vinh quang thay Đấng có uy quyền tối cao, Đấng sở hữu tất cả, Đấng Tự Cao Tự Đại và Đấng Vĩ Đại.)



«اللَّهُ أَكْبَرُ اللَّهُ أَكْبَرُ اللَّهُ أَكْبَرُ ذُو الْمَلَكُوتِ
وَالْجَبْرُوتِ وَالْكَبْرِيَاءِ وَالْعِزَّةِ وَالْعِزَّةِ»

*Ol lo hu ak bar – đọc ba lần – zul
ma la ku-t wa ja ba ru-t wal kib ri
ya' wal 'a zho mah.*

(ý nghĩa: Allah vĩ đại nhất, Đấng
Thông Lãnh, Đấng Quyền thống
trị, Đấng Tụ Cao Tụ Đại và Đấng
Vĩ Đại.)



«اللَّهُ أَكْبَرُ كَبِيرًا، وَالْحَمْدُ لِلَّهِ كَثِيرًا،
وَسُبْحَانَ اللَّهِ بُكْرَةً وَأَصِيلًا»

*Ol lo hu ak bar ka bi ro, wal ham du
lil laa hi ka thi ro, wa sub haa nol lo
hi buk ro tau wa a si la.*

(ý nghĩa: Allah vĩ đại nhất, xin tạ ơn và tán dương Allah thật nhiều, hiển vinh thay Allah mỗi sáng và mỗi chiều)

**Khuyến khích người cầu xin sau
khi đã tán dương Allah Tối Cao thì
cầu xin bình an và phúc lành cho
Nabi của Allah bằng câu:**

«اللَّهُمَّ صَلِّ وَسَلِّمْ عَلَى مُحَمَّدٍ وَعَلَى آلِ
مُحَمَّدٍ، كَمَا صَلَّيْتَ عَلَى إِبْرَاهِيمَ، وَعَلَى آلِ
إِبْرَاهِيمَ، إِنَّكَ حَمِيدٌ مَجِيدٌ»

(ý nghĩa: Lạy Allah, xin hãy ban
bình an và phúc lành cho Nabi
Muhammad và dòng tộc của Người
giống như Ngài đã ban cho Nabi
Ibrahim và dòng tộc của Người.
Quả thực, Ngài là Đáng Đáng Ca
Tụng, Đáng Quyền thống trị)

صَاحِبِ الدَّعَاوِ الشَّاعِلِ عَلَى اللَّهِ تَعَالَى



**Các lời cầu xin
bằng Kinh
Qur'an**



1

﴿حَسْبِيَ اللَّهُ لَا إِلَهَ إِلَّا هُوَ عَلَيْهِ تَوَكَّلْتُ

وَهُوَ رَبُّ الْعَرْشِ الْعَظِيمِ﴾ [التوبة: ١٢٩]

(ý nghĩa: Allah đã đủ đôi với Ta, không có Thượng Đế đích thực nào khác ngoài Ngài. Ta phó thác cho Ngài. Quả thật, Ngài là Chủ Nhân của chiếc ngai vương vĩ đại.)

(chương 9 – At-Tawbah: 129)

2

﴿لَا إِلَهَ إِلَّا أَنْتَ سُبْحَانَكَ إِنِّي كُنْتُ مِنَ

الظَّالِمِينَ﴾ [الأنبياء: ٨٧]

(ý nghĩa: Không có Thượng Đế đích thực nào khác ngoài Ngài; Quang vinh thay Ngài! Bề tôi thực sự đã sai quấy.) (chương 21 – Al-Ambiya': 87)



رَبِّ اجْعَلْنِي مُقِيمَ الصَّلَاةِ وَمِنْ ذُرِّيَّتِي

رَبَّنَا وَتَقَبَّلْ دُعَاءِ ﴿٤٠﴾ [إبراهيم: ٤٠]

(ý nghĩa: Lạy Thượng Đế của bề tôi, xin Ngài phù hộ bề tôi duy trì lễ nguyện Salah và cả con cháu của bề tôi. Lạy Thượng Đế của bầy tôi, xin Ngài chấp nhận lời cầu nguyện của bề tôi.) (chương 14 – Ibrahim: 40)



﴿هُنَالِكَ دَعَا زَكَرِيَّا رَبَّهُ ۖ قَالَ رَبِّ هَبْ لِي مِنْ لَدُنْكَ ذُرِّيَّةً طَيِّبَةً ۗ إِنَّكَ سَمِيعٌ

الِدُّعَاءِ ﴿٣٨﴾ [آل عمران: ٣٨]

(ý nghĩa: Lạy Thượng Đế bề tôi, xin Ngài hãy rủ lòng thương ban cho bề tôi một hậu duệ tốt đẹp, chắc chắn Ngài nghe thấy rõ lời nguyện cầu.)
(chương 3 – Ali ‘Imran: 38)

5

﴿رَبَّنَا اغْفِرْ لَنَا ذُنُوبَنَا وَإِسْرَافَنَا فِي
أَمْرِنَا وَثَبِّتْ أَقْدَامَنَا وَانصُرْنَا عَلَى الْقَوْمِ
الْكَافِرِينَ﴾ [آل عمران: ١٤٧]

(ý nghĩa: Lạy Thượng Đế của bầy tôi, xin Ngài xí xóa tội lỗi cho bầy tôi, những sai phạm quá mức của bầy tôi, xin Ngài hãy giữ vững đôi chân của bầy tôi và phù hộ bầy tôi giành chiến thắng trước đám người vô đức tin.) (chương 3 – Ali ‘Imran: 147)

6

﴿رَبِّ اغْفِرْ وَأَرْحَمْ وَأَنْتَ خَيْرُ

الرَّحِيمِينَ﴾ [المؤمنون: ١١٨]

(ý nghĩa: Lạy Thượng Đế của bề tôi, xin Ngài tha thứ cho bề tôi và thương xót bề tôi bởi Ngài là Đáng thương xót tốt nhất!) (chương 23 – Al- Mumi'nun: 118)



﴿رَبِّ إِنِّي ظَلَمْتُ نَفْسِي فَاغْفِرْ لِي﴾

[القصص: ١٦]

(ý nghĩa: Lạy Thượng Đế của bê tôi, bê tôi đã bất công với chính mình, xin Ngài tha thứ tội lỗi cho bê tôi.)

(chương 28 – Al-Qasas: 16)



﴿رَبَّنَا أَفْرِغْ عَلَيْنَا صَبْرًا وَثَبِّتْ أَقْدَامَنَا
وَانصُرْنَا عَلَى الْقَوْمِ الْكَافِرِينَ﴾

[البقرة: ٢٥٠]

(ý nghĩa: Lạy Thượng Đế của bầy tôi, xin Ngài hãy gia tăng sự kiên nhẫn trong lòng bầy tôi, xin Ngài hãy giữ vững đôi chân của bầy tôi và xin hãy phù hộ bầy tôi chiến thắng trước đám người vô đức tin.)

(chương 2 – Al-Baqarah: 250)



﴿رَبَّنَا لَا تُزِغْ قُلُوبَنَا بَعْدَ إِذْ هَدَيْتَنَا وَهَبْ
لَنَا مِنْ لَدُنْكَ رَحْمَةً إِنَّكَ أَنْتَ الْوَهَّابُ﴾
[آل عمران: ٨]

(ý nghĩa: Lạy Thượng Đế của bầy tôi, xin Ngài đừng làm trái tim của bầy tôi lệch lạc sau khi Ngài đã hướng dẫn bầy tôi, xin Ngài hãy ban cho bầy tôi hồng phúc từ nơi Ngài. Quả thật, Ngài là Đấng Hằng Ban Phát.) (chương 3 – Ali ‘Imran: 8)

10

﴿رَبِّ أَشْرَحْ لِي صَدْرِي﴾ ﴿٢٥﴾ وَيَسِّرْ لِي
أَمْرِي ﴿٢٦﴾ [طه: ٢٥-٢٦]

(ý nghĩa: Lạy Thượng Đế của bẻ tôi!
Xin Ngài nói rộng lòng ngực của bẻ
tôi. Xin Ngài làm cho công việc của
bẻ tôi được thuận lợi.) (chương 20 –
Taha: 25, 26)

11

﴿مَسَّنِيَ الضُّرُّ وَأَنْتَ أَرْحَمُ الرَّاحِمِينَ﴾ ﴿٨٣﴾
[الأنبياء: ٣٨]

(ý nghĩa: Bẻ tôi đã gặp nạn và Ngài
là Đáng Nhân Từ nhất.) (chương 21
– Al-Ambiya': 83)

12

﴿رَبِّ أَعُوذُ بِكَ مِنْ هَمَزَاتِ الشَّيْطَانِ﴾^{٩٧}
﴿وَأَعُوذُ بِكَ رَبِّ أَنْ يَحْضُرُونِ﴾^{٩٨}

[المؤمنون: ٩٧-٩٨]

(ý nghĩa: Lạy Thượng Đế của bề tôi, xin Ngài che chở bề tôi tránh xa khỏi những xúi bẩy của những tên Shaytan. Lạy Thượng Đế của bề tôi, xin Ngài che chở bề tôi (bằng việc) ngăn chúng không đến gần bề tôi.) (chương 23 – Al-Muminun: 97, 98)

13

﴿رَبَّنَا أَصْرِفْ عَنَّا عَذَابَ جَهَنَّمَ إِنَّ

عَذَابَهَا كَانَ غَرَامًا﴾ [الفرقان: ٦٥]

(ý nghĩa: Lạy Thượng Đế của bầy tôi, xin Ngài đưa bầy tôi ra xa khỏi hình phạt của Hỏa Ngục. Quả thật, sự trừng phạt nơi Hỏa Ngục là một sự trừng phạt dai dẳng.) (chương 25 – Furqan: 65)

14

﴿وَسِعَ رَبُّنَا كُلَّ شَيْءٍ عِلْمًا عَلَى اللَّهِ تَوَكَّلْنَا
رَبَّنَا افْتَحْ بَيْنَنَا وَبَيْنَ قَوْمِنَا بِالْحَقِّ وَأَنْتَ
خَيْرُ الْفَاتِحِينَ﴾ [الأعراف: ٨٩]

(ý nghĩa: Thượng Đế của chúng tôi có kiến thức bao trùm tất cả mọi thứ, chúng tôi nguyện phó thác cho Ngài. Lạy Thượng Đế của bầy tôi, xin Ngài hãy phân xử giữa bầy tôi và đám dân của bầy tôi bằng công lý, bởi Ngài là Đấng phân xử ưu việt nhất.) (chương 7 – Al-‘Araf: 89)



﴿أَرْزُقْنَا وَأَنْتَ خَيْرُ الرَّازِقِينَ﴾ ﴿١١٤﴾

[المائدة: ١١٤]

(ý nghĩa: xin Ngài hãy ban bổng lộc cho bầy tôi bởi Ngài là Đấng Ban bổng lộc tốt nhất.) (chương 5 – Al-Ma-idah: 114)



﴿رَبَّنَا آتِنَا مِنْ لَدُنْكَ رَحْمَةً وَهَيِّئْ لَنَا مِنْ

أَمْرِنَا رَشَدًا﴾ [الكهف: ١٠]

(ý nghĩa: Lạy Thượng Đế của bày tôi, xin Ngài hãy thương xót bày tôi và xin Ngài hãy sắp xếp vụ việc của bày tôi theo hướng tốt đẹp.)

(chương 18 – Al-Kahf: 10)



﴿رَبِّ هَبْ لِي حُكْمًا وَأَلْحِقْنِي﴾

بِالصَّالِحِينَ ﴿٨٣﴾ [الشعراء: ٨٣]

(ý nghĩa: Lạy Thượng Đế của bề tôi, xin Ngài ban cho bề tôi sự khôn ngoan và xin Ngài nhập bề tôi cùng với những người đức hạnh.)

(chương 26 – Ash-Shu'ara': 83)

18

﴿رَبِّ زِدْنِي عِلْمًا﴾ [طه: ١١٤]

(ý nghĩa: Lạy Thượng Đế của bề tôi! Xin Ngài ban thêm kiến thức cho bề tôi.) (chương 20 - Taha: 114)

19

﴿رَبِّ إِنِّي لِمَا أَنْزَلْتَ إِلَيَّ مِنْ خَيْرٍ فَقِيرٌ﴾ [٢٤]

[القصاص: ٢٤]

(ý nghĩa: Lạy Thượng Đế của bề tôi, quả thật bề tôi đang cần điều tốt đẹp Ngài ban cho.) (chương 28 – Al-Qasas: 24)



رَبَّنَا هَبْ لَنَا مِنْ أَزْوَاجِنَا وَذُرِّيَّاتِنَا
قُرَّةَ أَعْيُنٍ وَاجْعَلْنَا لِلْمُتَّقِينَ إِمَامًا ﴿٧٤﴾

[الفرقان: ٧٤]

(ý nghĩa: Lạy Thượng Đế của bầy tôi, xin Ngài làm cho vợ và con cái của bầy tôi thành một nguồn vui cho cặp mắt của bầy tôi, xin Ngài hãy để bầy tôi thành người lãnh đạo mẫu mực cho những người ngay chính.) (chương 25 - Furqan: 74)

21

﴿رَبِّ أَوْزِعْنِي أَنْ أَشْكُرَ نِعْمَتَكَ الَّتِي
أَنْعَمْتَ عَلَيَّ وَعَلَىٰ وَالِدَيَّ وَأَنْ أَعْمَلَ
صَالِحًا تَرْضَاهُ وَأَدْخِلْنِي بِرَحْمَتِكَ فِي
عِبَادِكَ الصَّالِحِينَ﴾ [النمل: ١٩]

(ý nghĩa: Lạy Thượng Đế của bề tôi, xin Ngài hãy làm cho bề tôi là người luôn biết tạ ơn Ngài về những ân huệ mà Ngài đã ban cho bề tôi và cha mẹ của bề tôi, xin Ngài hãy phù hộ cho bề tôi luôn làm việc thiện tốt mà Ngài hài lòng, và xin Ngài hãy lấy đức khoan dung của Ngài mà thu nhận bề tôi vào cùng với


đám bày tội ngoan đạo của Ngài.)
(chương 27 – An-Naml: 19)



﴿رَبَّنَا تَقَبَّلْ مِنَّا إِنَّكَ أَنْتَ السَّمِيعُ
الْعَلِيمُ ﴿١٢٧﴾﴾ ﴿وَتُبَّ عَلَيْنَا إِنَّكَ أَنْتَ
التَّوَّابُ الرَّحِيمُ ﴿١٢٨﴾﴾ [البقرة: ١٢٧-١٢٨]

(ý nghĩa: {Lạy Thượng Đế của bày tôi, xin Ngài chấp nhận việc làm này của bày tôi, bởi vì Ngài là Đấng Hằng Nghe, Đấng Hiểu Biết.} {và xin Ngài lượng thứ cho những lầm lỗi của bày tôi, quả thật Ngài là Đấng Hằng Chấp Nhận Sám Hối, Đấng Khoan Dung.}) (chương 2 – Al-Baqarah: 127, 128)

صِحِّحِ الدُّعَاءَ وَالشَّعَائِرَ عَلَى اللَّهِ تَعَالَى



**Trong những lời
cầu xin trong lễ
nguyện Salah**



«اللَّهُمَّ بَاعِدْ بَيْنِي وَبَيْنَ خَطَايَايَ كَمَا
بَاعَدْتَ بَيْنَ الْمَشْرِقِ وَالْمَغْرِبِ، اللَّهُمَّ نَقِّنِي
مِنْ خَطَايَايَ كَمَا يُنَقِّي الثَّوْبُ الْأَبْيَضُ مِنَ
الدَّنَسِ، اللَّهُمَّ اغْسِلْنِي مِنْ خَطَايَايَ بِالثَّلْجِ
وَالْمَاءِ وَالْبَرَدِ»

*Ol lo hum ma baa i'd bai ni wa bai
na kho to yaa ya, ka maa baa a'd
ta bai nal mash ri qi wal magh rib.
Ol lo hum ma naq qi ni min kho to
yaa ya, ka ma yu naq qoth thau bul
ab ya dhu mi nad da nas. Ol lo hum
magh sil ni mi kho to yaa ya bith
thal ji wa maa i wal ba rad.*

(ý nghĩa: Lạy Allah, xin Ngài hãy kéo xa bề tôi và tội lỗi giống như Ngài đã kéo xa hai hướng đông và tây. Xin hãy tẩy sạch tội lỗi cho bề tôi giống như tẩy chất dơ ra khỏi áo trắng và xin hãy tẩy rửa bề tôi được sạch tội lỗi (như được tắm sạch) bằng nước tinh khiết.)

(Đây là lời Du-'a Istiftah (mở đầu) của lễ nguyện Salah)



«اللَّهُمَّ رَبَّ جِبْرَائِيلَ، وَمِيكَائِيلَ،
وَإِسْرَافِيلَ، فَاطِرَ السَّمَاوَاتِ وَالْأَرْضِ،
عَالِمَ الْغَيْبِ وَالشَّهَادَةِ، أَنْتَ تَحْكُمُ بَيْنَ
عِبَادِكَ فِيمَا كَانُوا فِيهِ يَخْتَلِفُونَ، اهْدِنِي
لِمَا اخْتَلَفَ فِيهِ مِنَ الْحَقِّ بِإِذْنِكَ، إِنَّكَ
تَهْدِي مَنْ تَشَاءُ إِلَى صِرَاطٍ مُسْتَقِيمٍ»

*Ol lo hum ma rab ba jib ro il, wa mi
kaa il, wa is ro fil, faa ti ros sa maa
waa ti wal ar dhi, a' li mal ghoi bi
wash sha haa dah, anh ta tah ku mu
bai na i' baa di ka fi maa kaa nu fi hi
yakh ta li fun, eh di ni li makh tu li fa
fi hi mi nal ha qi bi iz nik, in na ka tah*

*di manha ta shaa u i la si ro tim mus
ta qi-m.*

(ý nghĩa: Lạy Allah, Ngài là Thượng Đế của Jibra-il, Mikaa-il và Israfil, Đấng Tạo Hoá ra các tầng trời và trái đất, Đấng Am Tường mọi việc vô hình và hữu hình, Ngài là Đấng Phân Xử mọi điều tranh cãi giữa đám bầy tôi của Ngài. Cầu xin hãy hướng dẫn bề tôi làm đúng nhất trong vấn đề tranh cãi đó bằng ý muốn của Ngài. Quả thực, Ngài muốn hướng dẫn bất cứ ai tùy thích theo con đường chính đạo.)

(Đây là lời Du-‘a Istiftah (mở đầu) của lễ nguyện Salah, nhất là lễ nguyện Salah trong đêm và cầu xin khi gặp việc phân vân giữa chân lý và đẩy khỏi tâm trí sự mập mờ)

3

«وَجَّهْتُ وَجْهِيَ لِلَّذِي فَطَرَ السَّمَاوَاتِ وَالْأَرْضَ حَنِيفًا، وَمَا أَنَا مِنَ الْمُشْرِكِينَ، إِنَّ صَلَاتِي، وَنُسُكِي، وَمَحْيَايَ، وَمَمَاتِي لِلَّهِ رَبِّ الْعَالَمِينَ، لَا شَرِيكَ لَهُ، وَبِذَلِكَ أُمِرْتُ وَأَنَا مِنَ الْمُسْلِمِينَ، اللَّهُمَّ أَنْتَ الْمَلِكُ لَا إِلَهَ إِلَّا أَنْتَ أَنْتَ رَبِّي، وَأَنَا عَبْدُكَ، ظَلَمْتُ نَفْسِي، وَاعْتَرَفْتُ بِذَنْبِي، فَاعْفِرْ لِي ذُنُوبِي جَمِيعًا، إِنَّهُ لَا يَغْفِرُ الذُّنُوبَ إِلَّا أَنْتَ، وَاهْدِنِي لِأَحْسَنِ الْأَخْلَاقِ لَا يَهْدِي لِأَحْسَنِهَا إِلَّا أَنْتَ، وَاصْرِفْ عَنِّي سَيِّئَهَا لَا يَصْرِفْ عَنِّي سَيِّئَهَا إِلَّا أَنْتَ، لَبَّيْكَ وَسَعْدَيْكَ وَالْخَيْرُ كُلُّهُ فِي يَدَيْكَ، وَالشَّرُّ لَيْسَ إِلَيْكَ، أَنَا بِكَ وَإِلَيْكَ، تَبَارَكْتَ وَتَعَالَيْتَ، أَسْتَغْفِرُكَ وَأَتُوبُ إِلَيْكَ»

*Waj jah tu waj hi lil la zi fa to ros sa
maa waa ti wal ar dho ha ni fa, wa
maa a na mi nal mush ri kin, in na
so la ti, wa nu su ki, wa mah yaa ya,
wa ma maa ti lil la hi rab bil a' laa
la min, laa sha ri ka lah, wa bi zaa
li ka u mir tu wa a na mi nal mus li
min. Ol lo hum ma anh tal ma lik,
laa i laa ha il la anh ta, anh ta rab
bi, wa a na 'ab duk, zo lam tu naf si,
wa' ta raf tu bi zdam bi, fagh fir li
zu nu bi ja mi a' in na hu laa yagh
fi ruz zu nu ba il la anh ta, wah di ni
li ah sa nil akh la-q, laa ya di li ah
sa ni haa il laa anh ta, wos rif a'n ni
sai yi a haa, laa yos rif a'n ni sai yi
a' haa il laa anh ta, bab bai ka wa*

*sa' dai ka, wal khoi ru kul lu hu fi
ya dai ka, wash shar ru lai sa i lay
ka, ta baa rak ta wa ta a' laa lay ta,
as tagh fi ru ka, wa a tu bu i lay ka.*

(ý nghĩa: Bề tôi đã hướng mặt về Đấng đã tạo các tầng trời và trái đất thật vững trãi và bề tôi không phải là người thờ đa thần. Quả thực, lễ nguyện Salah của bề tôi, vật giết tế của bề tôi, mạng sống lẫn cái chết của bề tôi đều thuộc về Allah, Đấng Chúa Tể của vũ trụ và vạn vật, không hề có sự chia sẻ cùng Ngài, vì lẽ đó mà bề tôi nhận được lệnh phải thành tâm tôn thờ và bề tôi thuộc tín đồ Muslim. Lạy Allah, Ngài là Chúa Tể mà không có

Thượng Đế nào đích thực ngoại trừ Ngài, Ngài là Thượng Đế của bề tôi và bề tôi là nô lệ của Ngài. Bề tôi đã phạm sai lầm và tội lỗi, cầu xin Ngài dung thứ tất cả tội lỗi cho bề tôi. Quả thực, không ai có khả năng dung thứ tội đó ngoại trừ Ngài. Cầu xin Ngài hãy ban cho bề tôi có được đức tính tốt đẹp nhất, không ai có khả năng ban cho thứ đó ngoại trừ Ngài. Và xin bảo vệ bề tôi tránh mọi điều xấu bởi vì không ai có khả năng đó ngoài Ngài. Vâng, bề tôi nghe lời Ngài, tuân lệnh Ngài, tất cả điều tốt xuất phát từ đôi tay Ngài và mọi điều xấu không được dâng hiến cho Ngài. Bề tôi là do Ngài tạo

hóa và thuộc về Ngài, Ngài là Đấng
Tối Cao đã ban mọi điều may mắn,
cầu xin Ngài dung thứ tội lỗi cho
bề tôi và bề tôi quay trở về sám hối
với Ngài.)

(Đây là lời Du-‘a Istiftah (mở đầu)
của lễ nguyện Salah, nhất là lễ
nguyện Salah trong đêm)



«سُبْحَانَكَ اللَّهُمَّ رَبَّنَا وَبِحَمْدِكَ اللَّهُمَّ
اغْفِرْ لِي»

*Sub haa na kol lo hum ma rab ba
naa wa bi ham dik, ol lo hum magh
fir li.*

(ý nghĩa: Vinh quang thay Ngài,
lạy Thượng Đế của bầy tôi và bằng
lời ca ngợi Ngài mà tụng niệm tán
dương, xin Ngài hãy tha thứ cho
bè tôi)

(Đây là lời Du-‘a dành cho Ruku’
(cúi gập người) và quỳ lạy)



«اللَّهُمَّ أَعُوذُ بِرِضَاكَ مِنْ سَخَطِكَ،
وَبِمُعَافَاتِكَ مِنْ عُقُوبَتِكَ، وَأَعُوذُ بِكَ مِنْكَ
لَا أُحْصِي ثَنَاءً عَلَيْكَ أَنْتَ كَمَا أَثْنَيْتَ عَلَيَّ
نَفْسِكَ»

*Ol lo hum ma in ni a 'u zdu bi ri dho
ka min sa kho tik, wa bi mu ã' faa ti
ka min u' qu ba tik, wa a 'u zdu bi
ka min ka, laa uh si tha naa anh a'
lai ka, anh ta ka maa ath nai ta a'
la naf sik.*

(ý nghĩa: Lạy Allah, bẻ tôi cầu xin sự hài lòng của Ngài che chở khỏi sự giận dữ của Ngài, cầu xin sự tha

thứ của Ngài tránh khỏi hình phạt của Ngài, xin Ngài đừng bắt tội về những gì bề tôi không có khả năng thực hiện, cho dù bề tôi có ca tụng Ngài thế nào cũng không thể đủ, Ngài là Đáng xưng đáng với những gì mà Ngài đã tự ca ngợi Ngài.)

(Đây là lời Du-‘a dành cho lúc quỳ lạy)



«اللَّهُمَّ اغْفِرْ لِي ذَنْبِي كُلَّهُ دِقَّةً، وَجِلَّةً،
وَأَوَّلَهُ وَآخِرَهُ وَعَلَانِيَتَهُ وَسِرَّهُ»

*Ol lo hum magh fir li zdam bi kul ha
hu, diq qo hu, wa jil la hu, wa au wa
la hu, wa a khi ro hu, wa 'a laa ni
ya ta hu, wa sir roh.*

(ý nghĩa: Lạy Allah, xin hãy tha thứ tội lỗi cho bề tôi dù là tội nhỏ hay tội lớn, từ đầu cho đến cuối, dù thầm kín hay công khai)

(Đây là lời Du-‘a dành cho lúc quỳ lạy)



«اللَّهُمَّ اجْعَلْ لِي فِي قَلْبِي نُورًا، وَفِي لِسَانِي
نُورًا، وَفِي سَمْعِي نُورًا، وَفِي بَصَرِي نُورًا،
وَمِنْ فَوْقِي نُورًا، وَمِنْ تَحْتِي نُورًا، وَعَنْ
يَمِينِي نُورًا، وَعَنْ شِمَالِي نُورًا، وَمِنْ بَيْنِ
يَدَيَّ نُورًا، وَمِنْ خَلْفِي نُورًا، وَاجْعَلْ فِي
نَفْسِي نُورًا، وَأَعْظِمْ لِي نُورًا»

*Ol lo hum maj 'al li fi qol bi nu ro,
wa fi li saa ni nu ro, wa fi sam 'i nu
ro, wa fi ba so ri nu ro, wa min fâu
qi nu ro, wa min tah ti nu ro, wa 'an
ya mi ni nu ro, wa 'an shi maa li nu
ro, wa min bai na ya dai ya nu ro,*

*wa min khol fi nu ro, waj 'al fi naf si
nu ro, wa 'a zhim li nu ro.*

(ý nghĩa: Lạy Allah, xin Ngài ban ánh sáng vào con tim của bề tôi, vào lưỡi của bề tôi, vào đôi tai của bề tôi, vào đôi mắt của bề tôi, ở phía trên bề tôi, ở bên dưới bề tôi, ở bên phải bề tôi, ở bên trái bề tôi, ở phía trước và cả phía sau của bề tôi nữa. Xin ban ánh sáng vào trong cơ thể của bề tôi, trong tinh thần của bề tôi.)

(Đây là lời Du-'a dành cho lúc quỳ lạy nhất là trong lễ nguyện Salah trong đêm)



«اللَّهُمَّ إِنِّي أَعُوذُ بِكَ مِنْ عَذَابِ جَهَنَّمَ،
وَمِنْ عَذَابِ الْقَبْرِ، وَمِنْ فِتْنَةِ الْمَحْيَا
وَالْمَمَاتِ، وَمِنْ شَرِّ فِتْنَةِ الْمَسِيحِ الدَّجَالِ»

*Ol lo hum ma in ni a 'u zdu bi ka
min 'a zaa bil ja hanh năm, wa min
'a zaa bil qab ri, wa min fit na til
mah yaa, wal ma ma-t, wa min shar
ri fit na til ma si hid daj ja-l.*

(ý nghĩa: Lạy Allah, bẻ tôi cầu xin Ngài che chở tránh khỏi hình phạt nơi Hỏa Ngục, khỏi hình phạt nơi cõi mộ, tránh khỏi mọi thử thách cám dỗ của cuộc sống trần gian, trước khi chết và tránh mọi điều

xấu khi Dajja-1 xuất hiện.)

(Lời cầu xin áp dụng trong Tashahhud
cuối trước khi chào Salam)



«اللَّهُمَّ أَعِنِّي عَلَى ذِكْرِكَ، وَشُكْرِكَ، وَحُسْنِ
عِبَادَتِكَ»

*Ol lo hum ma a 'in ni 'a la zik ri ka,
wa shuk ri ka, wa hus ni 'i baa da tik.*

(ý nghĩa: Lạy Allah, xin hãy phù hộ
bê tôi luôn (miệng) tán dương và tạ
ơn Ngài và xuất sắc trong việc thờ
phượng Ngài.)

(Lời cầu xin áp dụng trong Tashahhud
cuối trước khi chào Salam)

10

«اللَّهُمَّ اغْفِرْ لِي مَا قَدَّمْتُ وَمَا أَخَّرْتُ،
وَمَا أَسْرَرْتُ وَمَا أَعْلَنْتُ، وَمَا أَسْرَفْتُ،
وَمَا أَنْتَ أَعْلَمُ بِهِ مِنِّي، أَنْتَ الْمُقَدِّمُ وَأَنْتَ
الْمُؤَخِّرُ، لَا إِلَهَ إِلَّا أَنْتَ»

*Ol lo hum magh fir li maa qad dam
tu, wa maa akh khar tu, wa maa as
rar tu, wa maa 'a lan tu, wa maa as
raf tu, wa anh ta 'a la mu bi hi min
ni, anh tal mu qad dim, wa anh tal
mu akh khir, laa i laa ha il laa anh
ta.*

(ý nghĩa: Lạy Allah, xin hãy tha thứ cho mọi tội lỗi mà bề tôi đã từng

phạm và tội lỗi sau này, cho những tội lỗi mà bề tôi đã giấu giếm và từng công khai, cho những tội lỗi đã tái phạm nhiều lần và cho những tội lỗi mà Ngài biết rõ hơn bề tôi. Ngài là Đấng Đầu Tiên, là Đấng Cuối Cùng mà không có Thượng Đế nào đích thực ngoại trừ Ngài.)

(Lời cầu xin áp dụng trong Tashahhud cuối trước khi chào Salam)



«اللَّهُمَّ إِنِّي أَعُوذُ بِكَ مِنَ الْمَأْثِمِ،
وَالْمَغْرَمِ»

*Ol lo hum ma in ni a 'u zdu bi ka mi
nal ma' tham, wal magh ram.*

(ý nghĩa: Lạy Allah, xin hãy che
chở bề tôi tránh khỏi tội lỗi và nợ
nần.)

(Lời cầu xin áp dụng trong
Tashahhud cuối trước khi chào
Salam)



«اللَّهُمَّ إِنِّي أَسْأَلُكَ الْجَنَّةَ، وَأَعُوذُ بِكَ مِنَ
النَّارِ»

*Ol lo hum ma in ni as a lu kal jan
nah, wa a 'u zdu bi ka mi nan naar.*

(ý nghĩa: Lạy Allah, bẻ tôi cầu xin
Ngài ban cho Thiên Đàng và xin
hãy bảo vệ bẻ tôi khỏi Hỏa Ngục.)

(Lời cầu xin áp dụng trong
Tashahhud cuối trước khi chào
Salam)



«اللَّهُمَّ إِنِّي أَعُوذُ بِكَ مِنَ الْبُخْلِ وَأَعُوذُ
بِكَ مِنَ الْجُبْنِ وَأَعُوذُ بِكَ أَنْ أُرَدَّ إِلَى أَرْدَلِ
الْعُمْرِ وَأَعُوذُ بِكَ مِنْ فِتْنَةِ الدُّنْيَا وَأَعُوذُ
بِكَ مِنْ عَذَابِ الْقَبْرِ»

*Ol lo hum ma in ni a 'u zdu bi ka mi
nal bukh li, wa a 'u zdu bi ka mi nal
jub ni, wa a 'u zdu bi ka an u rad da
i la ar za lil 'um ri, wa a 'u zdu bi ka
min fit na tid dun yaa, wa a 'u zdu
bi ka min 'a zaa bil qob ri.*

(ý nghĩa: Lạy Allah, bẻ tôi cầu xin
Ngài che chở tránh khỏi bản tính
keo kiệt, bản tiện, nhúc nhát, tránh

Trong những lời cầu xin trong lễ nguyện Salah

khỏi sự lụn cụp khi về già, tránh
khỏi sự thử thách của cuộc sống và
cái chết và tránh khỏi sự hình phạt
ở dưới mộ.)

(Lời cầu xin áp dụng trong
Tashahhud cuối trước khi chào
Salam)



«اللَّهُمَّ إِنِّي ظَلَمْتُ نَفْسِي ظُلْمًا كَثِيرًا
وَلَا يَغْفِرُ الذُّنُوبَ إِلَّا أَنْتَ، فَاعْفِرْ لِي
مَغْفِرَةً مِنْ عِنْدِكَ، وَارْحَمْنِي إِنَّكَ أَنْتَ
الْغَفُورُ الرَّحِيمُ»

*Ol lo hum ma in ni zho lam tu naf
si zhul man ka thi ro, wa laa yagh
fi ruz zu nu ba il laa anh ta, fagh fir
li magh fi ro tan min 'in dik, war
ham ni, in na ka anh tan gho fu rur
ro hi-m.*

(ý nghĩa: Lạy Allah, bẻ tôi đã bất công với chính mình rất nhiều, và không có ai đủ khả năng tha thứ cho

sự sai quấy đó ngoại trừ Ngài. Cầu xin Ngài lượng thứ, khoan dung cho bề tôi. Quả thực, Ngài là Đấng Khoan Dung, Đấng Nhân Từ.)

(Lời cầu xin áp dụng trong lúc quỳ lạy hoặc sau Tashahhud cuối trước khi chào Salam)



«اللَّهُمَّ حَاسِبِي حِسَابًا يَسِيرًا»

*Ol lo hum ma haa sib ni hi saa banh
ya si ro.*

(ý nghĩa: Lạy Allah, xin Ngài hãy
thanh toán bề tôi thật dễ dãi.)

(Lời cầu xin áp dụng trong lúc quỳ
lạy hoặc sau Tashahhud cuối trước
khi chào Salam)



«رَبِّ قِنِي عَذَابَكَ يَوْمَ تَبْعَثُ عِبَادَكَ»

*Ol lo hum ma qi ni 'a zaa ba ka yâu
ma tab 'a thu 'i baa dak.*

(ý nghĩa: Lạy Allah, xin hãy che chở bảo vệ bề tôi tránh khỏi hình phạt của Ngài vào Ngày mà Ngài phục sinh bề tôi của Ngài.)

(Lời cầu xin áp dụng trong lúc quỳ lạy hoặc sau Tashahhud cuối trước khi chào Salam)



صَاحِبِ الدُّعَاءِ وَالشَّنَائِعِ عَلَى اللَّهِ تَعَالَى



Các lời cầu xin bằng Hadith





«اللَّهُمَّ رَبَّنَا آتِنَا فِي الدُّنْيَا حَسَنَةً، وَفِي
الْآخِرَةِ حَسَنَةً، وَقِنَا عَذَابَ النَّارِ»

*Ol lo hum ma rab ba naa, ã ti naa fid
dun yaa ha sa nah, wa fil ã khi ro ti
ha sa nah, wa qi naa 'a zaa ban na-r.*

(ý nghĩa: Lạy Thượng Đế của bây
tôi, xin Ngài hãy ban cho bây tôi
mọi điều tốt đẹp ở trần gian này và
mọi điều tốt đẹp ở Đời Sau; và xin
Ngài hãy bảo vệ bây tôi thoát khỏi
hình phạt của Hỏa Ngục)

(Đây là lời cầu xin thường được
Nabi ﷺ cầu xin)



«اللَّهُمَّ اغْفِرْ لِي، وَارْحَمْنِي، وَاهْدِنِي،
وَعَافِنِي، وَارْزُقْنِي»

*Ol lo hum magh fir li, war ham ni,
wah di ni, war zuq ni.*

(ý nghĩa: Lạy Allah, xin hãy tha thứ tội lỗi cho bề tôi, xin hãy thương xót bề tôi, xin hãy dẫn dắt bề tôi và xin hãy ban bổng lộc cho bề tôi.)

(Đây là lời cầu xin có được điều tốt cả trần gian và Đời Sau)



«اللَّهُمَّ اكْفِنِي بِحَلَالِكَ عَنْ حَرَامِكَ
وَآغْنِنِي بِفَضْلِكَ عَمَّنْ سِوَاكَ»

*Ol lo hum mak fi ni bi ha laa li ka
'an ha ro mik, wa agh ni ni bi fadh
li ka 'am man si wa-k.*

(ý nghĩa: Lạy Allah, xin hãy ban cho bề tôi bổng lộc Halal (tốt sạch) và xin hãy ban cho bề tôi sự giàu có bằng ân huệ chỉ của riêng Ngài duy nhất.)

(Đây là lời cầu xin giúp xoá nợ)

4

«اللَّهُمَّ مُصَرِّفَ الْقُلُوبِ صَرِّفْ قُلُوبَنَا عَلَى
طَاعَتِكَ» «يَا مُقَلِّبَ الْقُلُوبِ ثَبِّتْ قَلْبِي
عَلَى دِينِكَ»

*Ol lo hum ma mu sar ri fal qu lub,
sar rif qu lu ba naa 'a laa to 'a tik)
(Yaa mu qol li bal qu lub thab bit
qol bi 'a laa di nik.*

(ý nghĩa: Lạy Allah, Đáng hoán chuyển con tim, xin hãy chuyển đổi con tim của bầy tôi đến việc thần phục Ngài. – Lạy Đáng Lật Trở con tim, xin hãy kiên định con tim của bầy tôi ở trên tôn giáo của Ngài.)

Các lời cầu xin bằng Hadith

(Đây là lời cầu xin được cố định trên chân lý, và lời cầu xin thường được Nabi ﷺ cầu xin.)

5

«اللَّهُمَّ إِنِّي أَسْأَلُكَ مِنَ الْخَيْرِ كُلِّهِ عَاجِلِهِ
 وَآجِلِهِ، مَا عَلِمْتُ مِنْهُ وَمَا لَمْ أَعْلَمْ، وَأَعُوذُ
 بِكَ مِنَ الشَّرِّ كُلِّهِ، عَاجِلِهِ وَآجِلِهِ مَا عَلِمْتُ
 مِنْهُ، وَمَا لَمْ أَعْلَمْ، اللَّهُمَّ إِنِّي أَسْأَلُكَ مِنْ
 خَيْرِ مَا سَأَلَكَ عَبْدُكَ وَنَبِيُّكَ مُحَمَّدٌ صَلَّى اللَّهُ
 عَلَيْهِ وَسَلَّمَ، وَأَعُوذُ بِكَ مِنْ شَرِّ مَا عَاذَ مِنْهُ عَبْدُكَ
 وَنَبِيُّكَ، اللَّهُمَّ إِنِّي أَسْأَلُكَ الْجَنَّةَ وَمَا قَرَّبَ
 إِلَيْهَا مِنْ قَوْلٍ أَوْ عَمَلٍ، وَأَعُوذُ بِكَ مِنَ النَّارِ
 وَمَا قَرَّبَ إِلَيْهَا مِنْ قَوْلٍ أَوْ عَمَلٍ، وَأَسْأَلُكَ
 أَنْ تَجْعَلَ كُلَّ قَضَاءٍ تَقْضِيهِ لِي خَيْرًا»

Các lời cầu xin bằng Hadith

*Ol lo hum ma in ni as a lu ka mi nal
khai ri kul li hi 'ã ji li hi wa ã ji lih,
maa 'a lim tu min hu, wa maa lam 'a
lam, wa a 'u zdu bi ka mi nash shar
ri kul li hi 'ã ji li hi wa ã ji lih, maa 'a
lim tu min hu, wa maa lam 'a lam. Ol
lo hum ma in ni as a lu ka min khai ri
maa sa a la ka 'ab du ka wa na bi yu
ka Muhammad ﷺ, wa a 'u zdu bi ka
min shar ri maa 'ã za min hu 'ab du
ka wa na bi yuk. Ol lo hum ma in ni
as a lu kal jan nah, wa maa qar ro ba
i lai haa min qâu lin âu 'a mal, wa a
'u zdu bi ka mi nan na-r, wa maa qar
ro ba i lai haa min qâu lin âu 'a mal,
wa as a lu ka anh taj 'a la kul la qo
dho in taq dhi hi li khai ro.*

(ý nghĩa: Lạy Allah, bề tôi thành khẩn Ngài ban cho tất cả mọi thứ tốt lành ở hiện tại và sau này, về những điều mà bề tôi đã biết và cả điều chưa biết; bề tôi cầu xin Ngài che chở tránh khỏi tất cả mọi điều xấu xa ở hiện tại và sau này, về những điều mà bề tôi đã biết và cả điều chưa biết. Lạy Allah, bề tôi thành khẩn cầu xin Ngài điều tốt đẹp mà vị Nô Lệ của Ngài, vị Nabi của Ngài Muhammad đã cầu xin Ngài ban cho, và bề tôi cầu xin Ngài che chở khỏi mọi điều xấu mà vị Nô Lệ của Ngài, vị Nabi của Ngài đã cầu xin Ngài che chở. Lạy Allah, bề tôi thành khẩn Ngài ban cho Thiên

Đàng và luôn cả những điều giúp
bề tôi được tiến gần đến nó từ lời
nói và hành động; bề tôi cầu xin
Ngài che chở khỏi Hoả Ngục và
luôn cả những gì khiến bề tôi đến
gần với nó từ lời nói và hành động,
và bề tôi cầu xin Ngài ban cho sự
tiền định mà Ngài đã an bày cho bề
tôi đều tốt đẹp.)

(Đây là lời cầu xin tổng hợp toàn
diện mọi điều tốt lành)

6

«يَا حَيُّ يَا قَيُّوْمُ بِرَحْمَتِكَ أَسْتَغِيْثُ، أَصْلِحْ لِيْ شَأْنِيْ كُلَّهُ، وَلَا تَكِلْنِيْ إِلَى نَفْسِيْ ظُرْفَةَ عَيْنٍ»

Yaa hay yu, yaa qoi yu-m bi roh ma ti ka as ta ghith, os leh li sha' ni kul lah, wa laa ta kil ni i la naf si tar fa ta 'ay nin.

(ý nghĩa: Hỡi Đấng Hằng Sống, hỡi Đấng Bất Diệt, với lòng thương xót của Ngài bẻ tôi cầu xin sự bao Dung, xin Ngài hãy cải thiện mọi vụ việc của bẻ tôi và chớ đừng để bẻ tôi ỉ vào bản thân mình dù chỉ là nháy mắt.)

(Đây là lời cầu xin khi khó khăn, hoạn nạn.)

7

«اللَّهُمَّ إِنِّي عَبْدُكَ ابْنُ عَبْدِكَ ابْنُ أُمَّتِكَ
 نَاصِيَتِي بِيَدِكَ مَاضٍ فِيَّ حُكْمُكَ عَدْلٌ
 فِيَّ قَضَاؤُكَ، أَسْأَلُكَ بِكُلِّ اسْمٍ هُوَ لَكَ
 سَمَّيْتَ بِهِ نَفْسَكَ أَوْ أَنْزَلْتَهُ فِي كِتَابِكَ أَوْ
 عَلَّمْتَهُ أَحَدًا مِنْ خَلْقِكَ أَوْ اسْتَأْثَرْتَ بِهِ
 فِي عِلْمِ الْغَيْبِ عِنْدَكَ أَنْ تَجْعَلَ الْقُرْآنَ
 رَبِيعَ قَلْبِي وَنُورَ بَصَرِي وَجِلَاءَ حُزْنِي
 وَذَهَابَ هَمِّي»

*Ol lo hum ma in ni 'ab duk, ib nu
 'ab dik, ib nu a ma tik, naa si ya ti
 bi ya dik, maa dhin fi ya huk muk,*

Các lời cầu xin bằng Hadith

*'ad lun fi ya qo dho uk' as a lu ka
bi kul lis min hu wa lak' sam mai
ta bi hi naf sak, âu an zal ta hu fi ki
taa bik, âu 'al lam ta hu a ha dan
min khol qik, a wis ta' thar ta bi hi
fi 'il mil ghoi bi 'in dak, anh taj 'a
lal qur ã na ro bi 'a qol bi, wa nu ro
sod ri, wa ji laa a huz ni, wa za haa
ba ham mi.*

(ý nghĩa: Lạy Allah, bẻ tôi là nô lệ của Ngài, là con của nô lệ nam và nô lệ nữ của Ngài, mọi hành động của bẻ tôi đều trong tay Ngài, mọi qui luật của Ngài đều có hiệu lực trên bẻ tôi, mọi định mệnh mà Ngài đã an bày rất đỗi công bằng cho bẻ tôi. Cầu xin Ngài với tất cả các

danh xưng mà Ngài tự xưng, hoặc được Ngài mặc khải trong các Kinh Sách, hoặc được Ngài dạy cho ai đó trong các tạo hoá của Ngài, hoặc với các danh xưng mà Ngài giữ kín cho riêng Ngài, xin hãy biến Qur'an thành niềm vui cho con tim của bề tôi, thành ánh sáng trong lòng ngực của bề tôi, cầu xin Ngài hãy giải tỏa sự ưu sầu và xua tan đi nỗi âu lo của bề tôi.)

(Đây là lời cầu xin khi ưu sầu, lo lắng)



«اللَّهُمَّ لَا سَهْلَ إِلَّا مَا جَعَلْتَهُ سَهْلًا، وَأَنْتَ
تَجْعَلُ الْحَزْنَ سَهْلًا إِذَا شِئْتَ»

*Ol lo hum ma laa sah la il laa maa
ja a'l ta hu sah la, wa anh ta taj 'a
lul haz na i zaa shi' ta sah la.*

(ý nghĩa: Lạy Allah, không có sự dễ dàng ngoài điều gì được Ngài làm cho dễ dàng và nếu muốn Ngài sẽ làm việc khó thành dễ.)

(Đây là lời cầu xin sự dễ dàng khi gặp điều khó khăn)

9

«اللَّهُمَّ إِنِّي أَسْأَلُكَ الْهُدَى وَالْيُسُقَى،
وَالْعَفَافَ وَالْغِنَى»

*Ol lo hum ma in ni as a lu kal hu da,
wat tu qo, wal 'a faa fa, wal ghi naa.*

(ý nghĩa: Lạy Allah, bẻ tôi thành
khẩn cầu xin Ngài ban cho bẻ tôi sự
chỉ đạo, lòng Taqwa, sự đứng đắn
và sự giàu có.)

10

«اللَّهُمَّ اهْدِنِي، وَسَدِّدْنِي»

Ol lo hum mah di ni, wa sad did ni.

(ý nghĩa: Lạy Allah, xin hãy hướng
dẫn bẻ tôi và chấn chỉnh bẻ tôi.)

«اللَّهُمَّ أَصْلِحْ لِي دِينِي الَّذِي هُوَ عِصْمَةٌ
 أَمْرِي، وَأَصْلِحْ لِي دُنْيَايَ الَّتِي فِيهَا
 مَعَاشِي، وَأَصْلِحْ لِي آخِرَتِي الَّتِي فِيهَا
 مَعَادِي، وَاجْعَلِ الْحَيَاةَ زِيَادَةً لِي فِي كُلِّ
 خَيْرٍ، وَاجْعَلِ الْمَوْتَ رَاحَةً لِي مِنْ كُلِّ شَرٍّ»

*Ol lo hum ma os leh li di ni, al la zi
 hu wa 'is ma tu am ri, wa os leh li
 dun yaa yal la ti fi haa ma 'ã shi, wa
 os leh li ã khi ro ti, al la ti fi haa ma
 'ã di, waj 'a lil ha yaa ta zi yaa da
 tanh li fi kul li khoir, waj 'a lil mâu
 ta ro ha tanh li min kul li shar.*

(ý nghĩa: Lạy Allah, xin hãy cải

thiện tôn giáo của bề tôi, nó sẽ bảo vệ bề tôi trong Ngày Tận Thế, xin hãy cải thiện cuộc sống của bề tôi bởi nó là sự sống của bề tôi, xin hãy cải thiện Đời Sau cho bề tôi bởi đó là nơi bề tôi phải quay về, xin Ngài hãy ban cho cuộc sống của bề tôi thêm mọi điều tốt đẹp và biến cái chết của bề tôi là sự giải thoát mọi điều xấu.)



«اللَّهُمَّ إِنَّكَ عَفُوٌّ مُجِيبٌ الْعَفْوَ فَاغْفُ
عَنِّي»

*Ol lo hum ma in na ka 'a fu wun tu
hib bul 'af wa fa' fu 'an ni.*

(ý nghĩa: Lạy Allah, Quả thật, Ngài rất yêu thương sự lượng thứ, xin Ngài hãy lượng thứ cho bề tôi.)

13

«اللَّهُمَّ اقْسِمْ لَنَا مِنْ خَشِيَّتِكَ مَا يَحُولُ
بَيْنَنَا وَبَيْنَ مَعَاصِيكَ، وَمِنْ طَاعَتِكَ
مَا تُبَلِّغُنَا بِهِ جَنَّتِكَ، وَمِنَ الْيَقِينِ مَا
تُهَوِّنُ بِهِ عَلَيْنَا مُصِيبَاتِ الدُّنْيَا، وَمَتَّعْنَا
بِأَسْمَاعِنَا وَأَبْصَارِنَا وَقُوَّتِنَا مَا أَحْيَيْتَنَا،
وَاجْعَلْهُ الْوَارِثَ مِنَّا، وَاجْعَلْ ثَأْرَنَا عَلَى
مَنْ ظَلَمَنَا، وَانصُرْنَا عَلَى مَنْ عَادَانَا، وَلَا
تَجْعَلْ مُصِيبَتَنَا فِي دِينِنَا، وَلَا تَجْعَلِ الدُّنْيَا
أَكْبَرَ هَمًّا وَلَا مَبْلَغَ عِلْمِنَا، وَلَا تُسَلِّطْ
عَلَيْنَا مَنْ لَا يَرْحَمُنَا»

Các lời cầu xin bằng Hadith

*Ol lo hum maq sim la naa min
khosh ya ti ka maa ta hu lu bai na
naa wa bai na ma 'ã si-k, wa min to
'a ti ka maa tu bal li ghu naa bi hi
jan na tak, wa mi nal ya qi ni maa
tu hâu wi nu 'a lai naa ma so i bad
dun yaa. Ol lo hum ma am te' naa
bi as maa 'i naa, wa ab so ri naa,
wa qu wa ti naa maa ah yai ta naa,
waj 'al hul wa ri tha min naa, waj
'al tha'ro naa 'a laa manh zo la ma
naa, wan sur naa 'a laa man 'ã daa
naa, wa laa taj 'al mu si ba ta naa fi
di ni naa, wa laa taj 'a lid dun yaa
ak ba ro ham mi naa, wa laa mab la
gho 'il mi naa, wa laa tu sal lit 'a
lai naa mal laa yar ha mu naa.*

(ý nghĩa: Lạy Allah, xin hãy chia cho bề tôi lòng kính sợ từ Ngài đủ để ngăn cản giữa bày tôi và tội lỗi nghịch lại Ngài, từ sự thần phục Ngài đủ để đưa lỗi bày tôi đến được với Thiên Đàng của Ngài, từ lòng kiên định đủ xua tan khỏi tâm lòng bày tôi mọi gian nan của cuộc sống. Lạy Allah, xin cho bày tôi tận hưởng được thánh giác, thị giác và sức mạnh của mình trong suốt thời gian Ngài cho bày tôi được sống (làm Ngài hài lòng), xin cho bày tôi tận dụng được chúng đến ngày chết, xin ban cho bày tôi lấy được công bằng đối với ai đã bắt công với bày tôi, xin hãy phù hộ bày tôi

chiến thắng trước ai thù hằn bầy tôi, xin chớ đừng thử thách bầy tôi bằng chính tôn giáo của bầy tôi, xin chớ đừng biến cuộc sống là mục tiêu lớn nhất trong lòng bầy tôi, cũng không phải là đỉnh điểm trong kiến thức của bầy tôi, và xin đừng cho kẻ không biết thương xót bầy tôi thâu tóm được bầy tôi.)

«رَبِّ أَعِنِّي وَلَا تُعِنِّ عَلَيَّ، وَانصُرْنِي وَلَا
تَنْصُرْ عَلَيَّ، وَامْكُرْ لِي وَلَا تَمْكُرْ عَلَيَّ،
وَاهِدِنِي وَيَسِّرِ الْهُدَى لِي، وَانصُرْنِي عَلَى
مَنْ بَغَى عَلَيَّ، رَبِّ اجْعَلْنِي لَكَ شَكَارًا، لَكَ
ذَكَارًا، لَكَ رَهَابًا، لَكَ مِطْوَاعًا، لَكَ مُحِبًّا،
إِلَيْكَ أَوَّاهًا مُنِيبًا، رَبِّ تَقَبَّلْ تَوْبَتِي،
وَاغْسِلْ حَوْبَتِي، وَأَجِبْ دَعْوَتِي، وَثَبِّتْ
حُجَّتِي، وَسَدِّدْ لِسَانِي، وَاهِدِ قَلْبِي، وَاسْأَلْ
سَخِيمَةَ صَدْرِي».

*Rab bi a 'in ni wa laa tu 'in 'a lay,
wan sur ni wa laa tan sur 'a lay,*

Các lời cầu xin bằng Hadith

*wam kur li wa laa tam kur 'a lay,
wah di ni wa yas si ril hu da li, wan
sur ni 'a laa manh ba gho 'a lay,
waj 'al ni la ka shak kaa ro, la ka
zak kaa ro, la ka roh haa ba, la ka
mit waa 'a' la ka mukh bi taa, i lay
ka âu waa haa mu ni baa, rab bi ta
qab bal tâu ba ti, wagh sil hâu ba ti,
wa a jib da' wa ti, wa thab bit huj ja
ti, wa sad did li saa ni, wah di qol
bi, was lul sa khi ma ta sod ri.*

(ý nghĩa: Lạy Allah, xin phù hộ bề tôi chớ đừng phù hộ kẻ thù của bề tôi, xin ban chiến thắng cho bề tôi chớ đừng ban cho kẻ thù bề tôi, xin gieo kế hoạch lên kẻ thù của bề tôi chớ đừng gieo lên bề tôi, xin hướng

dẫn bề tôi và tạo sự chỉ đạo dễ dàng đến với bề tôi, xin ban chiến thắng cho bề tôi trước kẻ bất công với bề tôi. Xin biến bề tôi thành nô lệ biết thường tạ ơn Ngài, thường tán dương Ngài, luôn kính sợ Ngài, luôn thần phục Ngài, luôn sợ Ngài ở nơi kín đáo, năng nỗ quay lại sám hối với Ngài. Lạy Allah, xin chấp nhận sự sám hối của bề tôi, xin tẩy rửa tội lỗi của bề tôi, xin đáp lại lời khẩn cầu của bề tôi, xin kiên định đức tin của bề tôi, xin ban sự đứng đắn trên chiếc lưỡi của bề tôi, xin hướng dẫn con tim của bề tôi và xin xoá tan sự hận thù trong lòng của bề tôi.)



«اللَّهُمَّ إِنِّي أَسْأَلُكَ فِعْلَ الْخَيْرَاتِ، وَتَرْكَ
الْمُنْكَرَاتِ، وَحُبَّ الْمَسَاكِينِ، وَأَنْ تَغْفِرَ
لِي وَتَرْحَمَنِي، وَإِذَا أَرَدْتَ فِتْنَةً فِي قَوْمٍ
فَتَوَفَّنِي غَيْرَ مَفْتُونٍ، وَأَسْأَلُكَ حُبَّكَ وَحُبَّ
مَنْ يُحِبُّكَ، وَحُبَّ عَمَلٍ يُقَرِّبُ إِلَى حُبِّكَ»

*Ol lo hum ma in ni as a lu ka fe' lal
khai ro-t, wa tar kal mun ka ro-t, wa
hub bal ma saa ki-n, wa anh tagh fi ro
li wa tar ham ni, wa i zaa a rod ta fit
na tanh fi qau min fa ta waf fa ni ghoi
ro maftu-n, wa as a lu ka hub bak, wa
hub ba manh yu hib buk, wa hub ba 'a
ma linh y qar ri bu i laa hub bik.*

(ý nghĩa: Lạy Allah, thành khẩn Ngài ban cho bề tôi có được nhiều hành động tốt đẹp, bỏ được điều tội lỗi, biết thương yêu người nghèo khó, và xin hãy tha thứ tội lỗi cho bề tôi. Một khi Ngài muốn thử thách nhóm người nào đó thì xin hãy cho bề tôi được chết ngoài lần thử thách đó. Khẩn cầu Ngài ban cho bề tôi tình yêu thương Ngài, yêu thương những ai thương yêu Ngài, yêu thích những điều giúp bề tôi được đến gần Ngài.)

(Thiên Sứ ﷺ nói về lời cầu xin này: Quả thật, chúng là các lời chân lý, hãy học và truyền dạy chúng lại.)

16

«اللَّهُمَّ إِنِّي أَسْأَلُكَ الثَّبَاتَ فِي الْأَمْرِ،
وَالْعَزِيمَةَ عَلَى الرَّشْدِ، وَأَسْأَلُكَ مُوجِبَاتِ
رَحْمَتِكَ، وَعَزَائِمَ مَغْفِرَتِكَ، وَأَسْأَلُكَ شُكْرَ
نِعْمَتِكَ، وَحُسْنَ عِبَادَتِكَ، وَأَسْأَلُكَ قَلْبًا
سَلِيمًا، وَلِسَانًا صَادِقًا، وَأَسْأَلُكَ مِنْ خَيْرِ
مَا تَعَلَّمَ، وَأَعُوذُ بِكَ مِنْ شَرِّ مَا تَعَلَّمَ،
وَأَسْتَغْفِرُكَ لِمَا تَعَلَّمَ، إِنَّكَ أَنْتَ عَلَّامُ
الْغُيُوبِ»

*Ol lo hum ma in ni as a lu kath tha
baa fil am ri, wal 'a zi ma ta 'a lar
rush di, wa as a lu ka mu ji baa ti*

roh ma tik, wa 'a zaa i ma magh fi ro tik, wa as a lu ka shuk ro ne' ma tik, wa hus na 'i baa da tik, wa as a lu ka qol banh sa li maa, wa li saa naa so di qo, wa as a lu ka min khi ri maa ta' lam, wa a 'u zdu bi ka min shar ri maa ta' lam, wa as tagh fi ku ka li maa ta' lam, in na ka anh ta 'al laa mul ghu yu-b.

(ý nghĩa: Lạy Allah, bẻ tôi thành khăn Ngài ban cho được trụ vững trên tôn giáo, lòng kiên quyết trên chỉ đạo; khăn cầu Ngài ban cho bẻ tôi có được nhiều điều được lòng thương xót của Ngài, có được nhiều nguyên do được Ngài sự tha thứ; xin ban cho bẻ tôi biết tạ ơn Ngài,

thờ phượng Ngài tốt nhất; cầu xin Ngài ban cho một con tim trong sáng, một chiếc lưỡi thật thà; cầu xin Ngài mọi thứ tốt đẹp mà Ngài biết và cầu xin Ngài che chở mọi điều xấu mà Ngài biết; cầu xin Ngài tha thứ tội lỗi mà Ngài biết, bởi Ngài là Đấng Am Tường mọi chuyện vô hình.)

(Trong hadith, nó tốt hơn tích trữ vàng và bạc)

«اللَّهُمَّ اهْدِنِي فِيمَنْ هَدَيْتَ، وَعَافِنِي فِيمَنْ
عَافَيْتَ، وَتَوَلَّنِي فِيمَنْ تَوَلَّيْتَ، وَبَارِكْ لِي
فِيمَا أُعْطَيْتَ، وَقِنِي شَرَّ مَا قَضَيْتَ، إِنَّكَ
تَقْضِي وَلَا يُقْضَى عَلَيْكَ، إِنَّهُ لَا يَدُلُّ مَنْ
وَالَيْتَ، وَلَا يَعِزُّ مَنْ عَادَيْتَ، تَبَارَكْتَ
رَبَّنَا وَتَعَالَيْتَ»

*Ol lo hum mah di ni fi manh ha day
ta, wa 'ã fi ni fi manh 'ã fay ta, wa
ta wal la ni fi manh ta wal lay ta,
wa baa rik li fi maa 'a toi ta, wa qi
ni shar ro maa qo dhoi ta, fa in na
ka taq dhi wa laa yuq dho 'a lai ka,*

in na hu laa ya zil lu manh waa lay ta, wa laa ya 'iz zhu manh 'ã day ta, ta baa rak ta rab ba naa wa ta 'ã lay ta.

(ý nghĩa: Lạy Allah, xin Ngài hướng dẫn bề tôi trong số những ai được Ngài hướng dẫn, xin Ngài ban sức khỏe dồi dào cho bề tôi trong số những ai được Ngài ban cho sức khỏe, xin Ngài trông nom bề tôi trong số những ai được Ngài trông nom, xin Ngài ban phúc lành cho bề tôi trong mọi thứ mà Ngài đã ban cho bề tôi và xin Ngài bảo vệ bề tôi tránh mọi điều xấu trong số những ai được Ngài bảo vệ. Quả thực, Ngài là Đấng Quyết Định tất

cả mọi việc mà không có thể lực nào ngăn cản. Và không có điều gì có thể hạ thấp được những ai được Ngài tôn trọng và không có được sự tôn trọng đối với kẻ đã bị Ngài đã sỉ nhục. Lạy Thượng Đế của bầy tôi, Ngài là Đấng Hồng Phúc, Đấng Tối Cao.)

«اللَّهُمَّ بِعِلْمِكَ الْغَيْبِ، وَقُدْرَتِكَ عَلَى الْخَلْقِ،
أَحْيَيْنِي مَا عَلِمْتَ الْحَيَاةَ خَيْرًا لِي، وَتَوَفَّيْنِي إِذَا
عَلِمْتَ الْوَفَاةَ خَيْرًا لِي، وَأَسْأَلُكَ خَشْيَتَكَ فِي
الْغَيْبِ وَالشَّهَادَةِ، وَكَلِمَةَ الْإِخْلَاصِ فِي الرِّضَا
وَالْغَضَبِ، وَأَسْأَلُكَ نَعِيمًا لَا يَنْفَدُ، وَقُرَّةَ
عَيْنٍ لَا تَنْقَطِعُ، وَأَسْأَلُكَ الرِّضَاءَ بِالْقَضَاءِ،
وَبَرْدَ الْعَيْشِ بَعْدَ الْمَوْتِ، وَلَذَّةَ النَّظَرِ إِلَى
وَجْهِكَ، وَالشَّوْقَ إِلَى لِقَائِكَ، وَأَعُوذُ بِكَ مِنْ
ضَرَاءٍ مُضِرَّةٍ، وَفِتْنَةٍ مُضِلَّةٍ، اللَّهُمَّ زَيْنًا بَزِينَةَ
الْإِيمَانِ، وَاجْعَلْنَا هُدَاةً مُهْتَدِينَ»

Ol lo hum ma bi 'il mi kal ghoi ba, wa qud ro ti ka 'a lal khol qi, ah yi ni maa 'a lim tal ha yaa ta khoi ron li, wa taf fa ni i zaa 'a lim tal wa faa ta khoi ron li. Ol lo hum ma as a lu ka khash ya ta ka fil ghoi bi wash sha haa dah, wa ka li ma tal ikh laa si fir ri dho wal gho dhab, wa as a lu ka na 'i manh laa yan fad, wa qur ro ta a 'i nin laa tan qo te', wa as a lu kar ri dho bil qo dho, wa bar dal a 'i shi ba' dal mâu ti, wa laz za tanh na zo ri i laa waj hik, wash shâu qo i laa li qo ik, wa a 'u zdu bi ka min dhar ro a mu dhir roh, wa fit na tin mu dhil lah. Ol lo hum ma zay zin naa bi zi na til i ma-n, waj a 'l naa hu daa tanh muh ta di-n.

(ý nghĩa: Lạy Allah, với kiến thức vô hình của Ngài, với quyền năng vô biên của Ngài trước tạo vật, xin hãy ban cho bề tôi được sống nếu Ngài biết rõ cuộc sống tốt đẹp hơn đối với bề tôi, và hãy ban cho bề tôi cái chết nếu Ngài biết rõ cái chết tốt hơn đối với bề tôi. Khẩn cầu Ngài ban cho bề tôi lòng kính sợ Ngài dù ở riêng tư hay cùng tập thể, lòng chân thật khi hài lòng và nổi giận. Khẩn cầu Ngài ban cho sự hưởng thụ bền vững, sự thoả mãn không bao giờ ngưng. Khẩn cầu Ngài ban cho bề tôi sự hài lòng trước định mệnh đã an bày, một cuộc sống viên mãn sau khi chết,

niềm vui sướng khi được nhìn thấy gương mặt Ngài và nổi nhớ nhung được trình diện Ngài. Khẩn xin Ngài che chở mọi điều xấu có hại, mọi thử thách lạc lối. Lạy Allah, xin hãy tô điểm đức tin của bề tôi, xin ban cho bề tôi là người dẫn đầu trong số người được hướng dẫn.)

«اللَّهُمَّ إِنِّي أَسْأَلُكَ الْعَافِيَةَ فِي الدُّنْيَا
وَالْآخِرَةِ، اللَّهُمَّ أَسْأَلُكَ الْعَفْوَ وَالْعَافِيَةَ
فِي دِينِي وَدُنْيَايَ وَأَهْلِي وَمَالِي، اللَّهُمَّ اسْتُرْ
عَوْرَاتِي، وَأَمِنْ رَوْعَاتِي، اللَّهُمَّ احْفَظْنِي
مِنْ بَيْنِ يَدَيْ، وَمِنْ خَلْفِي، وَعَنْ يَمِينِي،
وَعَنْ شِمَالِي، وَمِنْ فَوْقِي، وَأَعُوذُ بِعَظَمَتِكَ
أَنْ أُغْتَالَ مِنْ تَحْتِي»

*Ol lo hum ma in ni as a lu kal 'af
wa, wal 'ã fi ya ta fid dun ya wal ã
khi roh. Ol lo hum ma in ni as a lu
kal 'af wa, wal 'ã fi ya ta fi di ni, wa
dun yai, wa ah li, wa maa li. Ol lo*



*hum mas tur 'âu ro ti, wa ã min râu
'ã ti. Ol lo hum mah fodh ni min bay
na ya day, wa min khol fi, wa 'an ya
mi ni, wa 'an shi maa li, wa min fâu
qi, wa a 'u zdu bi 'a zo ma ti ka an
ugh taa la min tah ti.*

(ý nghĩa: Lạy Allah, khẩn cầu Ngài sự tha thứ và sức khỏe trần gian và Đời Sau. Lạy Allah, khẩn cầu Ngài sự tha thứ và sự lành mạnh trong tôn giáo của bề tôi, trong cuộc sống của bề tôi, trong gia đình của bề tôi và trong tài sản của bề tôi. Lạy Allah, xin hãy che đậy mọi phần kín của bề tôi, xin hãy trấn an sự hoảng sợ của bề tôi. Lạy Allah, xin hãy bảo vệ bề tôi từ phía trước mặt

của bệ tôi, từ phía sau của bệ tôi, từ bên phải của bệ tôi, từ bên trái của bệ tôi, từ bên trên bệ tôi và bệ tôi khẩn cầu bởi sự vĩ đại của Ngài che chở bệ tôi thoát khỏi sự nắm kéo bất ngờ ở bên dưới.)



صِحِّحِ الدُّعَاءَ وَالشُّعَائِرَ عَلَى الدِّينِ الْعَالِي



**Những điều mà
Thiên Sứ cầu xin
che chở**



«اللَّهُمَّ إِنِّي أَعُوذُ بِكَ مِنْ شَرِّ مَا عَمِلْتُ
وَشَرِّ مَا لَمْ أَعْمَلْ»

*Ol lo hum ma in ni a 'u zdu bi ka
min shar ri maa 'a mil tu, wa shar
ri maa lam 'a mal.*

(ý nghĩa: Lạy Allah, thành khẩn xin
Ngài che chở khỏi mọi điều xấu mà
bê tôi đã làm và cả những điều xấu
mà bê tôi chưa làm.)

(Nabi đã cầu xin điều này rất nhiều)

2

«اللَّهُمَّ إِنِّي أَعُوذُ بِكَ أَنْ أُشْرِكَ بِكَ وَأَنَا
أَعْلَمُ، وَأَسْتَغْفِرُكَ لِمَا لَا أَعْلَمُ»

*Ol lo hum ma in ni a 'u zdu bi ka
anh ush ri ka bi ka wa a na 'a lam,
wa as tagh fi ru ka li maa laa 'a lam.*

(ý nghĩa: Lạy Allah, khẩn xin Ngài che chở bề tôi tránh khỏi hành động Shirk với Ngài trong lúc bề tôi còn nhận biết và khẩn xin Ngài tha thứ cho những gì bề tôi không hiểu biết.)

(Đây là lời cầu xin xoá đi sự phô trương)

3

«اللَّهُمَّ إِنِّي أَعُوذُ بِكَ مِنْ زَوَالِ نِعْمَتِكَ،
وَتَحَوُّلِ عَافِيَتِكَ، وَفُجَاءَةِ نِقْمَتِكَ، وَجَمِيعِ
سَخَطِكَ»

*Ol lo hum ma in ni a 'u zdu bi ka
min za waa li ne' ma tik, wa ta hau
wu li 'ã fi ya tik, wa fu jaa a ti niq
ma tik, wa ja mi 'i sa kho tik.*

(ý nghĩa: Lạy Allah, khẩn xin Ngài che chở bị mất đi ân huệ của Ngài, bị mất đi sức khỏe, bất ngờ bị sự trừng phạt của Ngài và tất cả mọi điều khiến Ngài giận dữ.)

4

«اللَّهُمَّ إِنِّي أَعُوذُ بِكَ مِنْ مُنْكَرَاتِ
الْأَخْلَاقِ، وَالْأَعْمَالِ، وَالْأَهْوَاءِ، وَالْأَدْوَاءِ»

*Ol lo hum ma in ni a ‘u zdu bi ka
min mun ka ro til akh la-q, wal ‘a
maal, wal ah wã’, wal ad wã’.*

(ý nghĩa: Lạy Allah, khấn cầu Ngài che chở bề tôi khỏi mọi sự suy đồi trong đạo đức, trong hành động, trong ham muốn và trong bệnh tật.)



«اللَّهُمَّ إِنِّي أَعُوذُ بِكَ مِنْ جَهْدِ الْبَلَاءِ،
وَدَرْكِ الشَّقَاءِ، وَسُوءِ الْقَضَاءِ، وَشَمَاتَةِ
الْأَعْدَاءِ»

*Ol lo hum ma in ni a 'u zdu bi ka
min jah dil ba la i, wa da ro kish sha
qo i, wa su il qo dho i, wa sha maa
ta til 'a daa i.*

(ý nghĩa: Lạy Allah, khẩn cầu Ngài che chở bề tôi khỏi mọi thử thách kinh hoàng, khỏi sự cùng cực của bất hạnh, khỏi tiền định xấu và khỏi sự nguyên rủa của kẻ thù.)

6

«اللَّهُمَّ إِنِّي أَعُوذُ بِكَ مِنَ الْعَجْزِ، وَالْكَسَلِ،
 وَالْجُبْنِ، وَالْبُخْلِ، وَالْهَرَمِ، وَعَذَابِ الْقَبْرِ
 اللَّهُمَّ آتِ نَفْسِي تَقْوَاهَا، وَزَكَّاهَا أَنْتَ خَيْرُ
 مَنْ زَكَّاهَا، أَنْتَ وَلِيِّهَا وَمَوْلَاهَا، اللَّهُمَّ إِنِّي
 أَعُوذُ بِكَ مِنْ عِلْمٍ لَا يَنْفَعُ، وَمِنْ قَلْبٍ لَا
 يَخْشَعُ، وَمِنْ نَفْسٍ لَا تَشْبَعُ، وَمِنْ دَعْوَةٍ لَا
 يُسْتَجَابُ لَهَا»

*Ol lo hum ma in ni a ‘u zdu bi ka mi
 nal ‘aj zi, wa ka sal, wal jub ni, wal
 bukh li, wal ha ram, wa ‘a zaa bil
 qab ri. Ol lo hum ma ã ti naf si taq
 waa haa, wa zak ki haa anh ta khoi*

*ru manh zak kaa haa, anh ta wa li
yu haa wa mâu laa haa. Ol lo hum
ma in ni a 'u zdu bi ka min 'il min
laa yan fa 'u, wa min qol bin laa
takh sha 'u, wa min naf sin laa tash
ba 'u, wa min da' wa tin laa yus ta
jaa bu la haa.*

(ý nghĩa: Lạy Allah, thành khẩn
Ngài bảo vệ bề tôi khỏi sự bất lực,
sự lười biếng, sự hèn nhát, sự keo
kiệt, sự lú lẫn và hình phạt nơi cõi
mộ. Lạy Allah, xin hãy ban cho bản
thân bề tôi lòng kính sợ, xin hãy
thanh lọc nó bởi Ngài là Đấng thanh
lọc hoàn hảo, Ngài là Chủ Nhân và
là Đấng Bảo Hộ của nó. Lạy Allah,
khẩn xin Ngài bảo vệ bề tôi tránh

Những điều mà Thiên Sứ cầu xin che chở

khỏi kiến thức không có lợi, khỏi con tim không biết sợ, khỏi tâm lòng không biết thoả mãn và khỏi lời cầu xin không được chấp nhận.)

7

«اللَّهُمَّ إِنِّي أَعُوذُ بِكَ مِنَ الِهَمِّ وَالْحَزَنِ،
وَالْعَجْزِ وَالْكَسَلِ، وَالْبُخْلِ وَالْجُبْنِ،
وَضَلَعِ الدِّينِ، وَغَلْبَةِ الرَّجَالِ»

*Ol lo hum ma in ni a 'u zdu bi ka mi
nal ham mi, wal ha zan, wal 'aj zi
wal ka sal, wal bukh li, wal jub ni,
wa dho la 'id dai ni, wa gho la ba
tir ri ja-l.*

(ý nghĩa: Lạy Allah, bẻ tôi cầu xin
Ngài che chở khỏi mọi lo âu, buồn
rầu, bất lực, lười biếng, keo kiệt,
nhác gan, nặng nhọc của nợ nần và
bị người khác đàn áp.)

8

«اللَّهُمَّ إِنِّي أَعُوذُ بِكَ مِنْ شَرِّ سَمْعِي، وَمِنْ
شَرِّ بَصَرِي، وَمِنْ شَرِّ لِسَانِي، وَمِنْ شَرِّ
قَلْبِي، وَمِنْ شَرِّ مَنِّي»

*Ol lo hum ma in ni a 'u zdu bi ka min
shar ri sam 'i, wa min shar ri ba so ri,
wa min shar ri li saa ni, wa min shar
ri qol bi, wa min shar ri ma ni yi.*

(ý nghĩa: Lạy Allah, thành khẩn
cầu xin Ngài che chở mọi điều xấu
có hại từ thính giác của bề tôi, từ
thị giác của bề tôi, từ chiếc lưỡi
của bề tôi và từ việc giải toả sinh
lý của bề tôi.)



«اللَّهُمَّ إِنِّي أَعُوذُ بِكَ مِنْ فِتْنَةِ النَّارِ وَمِنْ
عَذَابِ النَّارِ، وَأَعُوذُ بِكَ مِنْ فِتْنَةِ الْقَبْرِ،
وَأَعُوذُ بِكَ مِنْ عَذَابِ الْقَبْرِ، وَأَعُوذُ بِكَ
مِنْ فِتْنَةِ الْغِنَى، وَأَعُوذُ بِكَ مِنْ فِتْنَةِ الْفَقْرِ،
وَأَعُوذُ بِكَ مِنْ فِتْنَةِ الْمَسِيحِ الدَّجَالِ»

*Ol lo hum ma in ni a 'u zdu bi ka
min fit na tin na-r, wa min 'a zaa bin
na-r, wa a 'u zdu bi ka min fit na til
qob ri, wa a 'u zdu bi ka min 'a za
qob ri, wa a 'u zdu bi ka min fit na
til ghi na, wa a 'u zdu bi ka min fit
na til faq ri, wa a 'u zdu bi ka min
fit na til ma si hid daj ja-l.*

(ý nghĩa: Lạy Allah, bề tôi thành khẩn Ngài che chở khỏi sự thử thách và sự trừng phạt của Hoả Ngục, cầu xin Ngài che chở khỏi sự thử thách và sự trừng phạt của cõi mộ, cầu xin Ngài che chở khỏi sự thử thách của giàu có và sự nghèo khổ và sự thử thách của Dajja-l.)

10

«اللَّهُمَّ إِنِّي أَعُوذُ بِعِزَّتِكَ، لَا إِلَهَ إِلَّا أَنْتَ،
أَنْ تُضِلَّنِي، أَنْتَ الْحَيُّ الَّذِي لَا يَمُوتُ،
وَالْجِنُّ وَالْإِنْسُ يَمُوتُونَ»

*Ol lo hum ma in ni a ‘u zdu bi ‘iz
za ti ka, laa i laa ha il laa anh ta,
anh tu dhil la ni, anh tal hay yul la
zi laa ya mu-t, wal jin nu, wal in su
ya mu tu-n.*

(ý nghĩa: Lạy Allah, bẻ tôi thành
khẩn cầu xin bởi quyền năng của
Ngài, mà không có Thượng Đế đích
thực nào ngoài Ngài khỏi bị lôi kéo
vào lầm lạc, Ngài là Đáng Sống Mãi

không bao giờ chết còn loài Jinn (ma) và loài người đều phải chết.)



«اللَّهُمَّ إِنِّي أَعُوذُ بِكَ مِنَ الْبَرَصِ، وَالْجُنُونِ،
وَالْجُذَامِ، وَمِنْ سَيِّئِ الْأَسْقَامِ»

*Ol lo hum ma in ni a 'u zdu bi ka mi
nal ba ros, wal ju nu-n, wa ju za-m,
wa min say yi il as qo-m.*

(ý nghĩa: Lạy Allah, bẻ tôi thành
khân Ngài che chở khỏi bệnh bạch
tạng, bệnh thần kinh, bệnh cùi hủi
và các bệnh hiểm nghèo.)

12

«اللَّهُمَّ إِنِّي أَعُوذُ بِكَ مِنْ يَوْمِ السَّوْءِ، وَمِنْ
لَيْلَةِ السَّوْءِ، وَمِنْ سَاعَةِ السَّوْءِ، وَمِنْ
صَاحِبِ السَّوْءِ، وَمِنْ جَارِ السَّوْءِ فِي دَارِ
الْمُقَامَةِ»

*Ol lo hum ma in ni a 'u zdu bi ka
min yâu mis sâu i, wa min lay la tis
sâu i, wa min saa 'a tis sâu i, wa
min so hi bis sâu i, wa min jaa ris
sâu i, fi daa ril mu qo mah.*

(ý nghĩa: Lạy Allah, bẻ tôi thành
khẩn cầu xin Ngài che chở khỏi mọi
điều xấu của ban ngày, mọi điều
xấu của ban đêm, mọi điều xấu của

giờ giấc, mọi điều xấu của bạn bè
và mọi điều xấu của láng giềng ở tại
nơi định cư cố định.)



«أَعُوذُ بِاللَّهِ مِنَ الْفِتَنِ، مَا ظَهَرَ مِنْهَا وَمَا
بَطَّنَ»

*A 'u zdu bil laa hi mi nanh fi tanh,
maa zho ha ro min haa, wa maa ba
ton.*

(ý nghĩa: Bè tôi cầu xin Allah che
chở khỏi mọi thử thách đã xuất hiện
và hãy còn ẩn khuất.)

صِحِّحُ الدَّعَاوِ وَالشَّعَائِرِ عَلَى اللَّهِ تَعَالَى

Những lời niệm
chú chữa bệnh





Đọc chương 1 - Al-Fatihah bảy lần.

﴿أَعُوذُ بِاللَّهِ مِنَ الشَّيْطَانِ الرَّجِيمِ، بِسْمِ
اللَّهِ الرَّحْمَنِ الرَّحِيمِ ﴿١﴾ الْحَمْدُ لِلَّهِ رَبِّ
الْعَالَمِينَ ﴿٢﴾ الرَّحْمَنِ الرَّحِيمِ ﴿٣﴾ مَلِكِ يَوْمِ
الدِّينِ ﴿٤﴾ إِيَّاكَ نَعْبُدُ وَإِيَّاكَ نَسْتَعِينُ ﴿٥﴾
أَهْدِنَا الصِّرَاطَ الْمُسْتَقِيمَ ﴿٦﴾ صِرَاطَ الَّذِينَ
أَنْعَمْتَ عَلَيْهِمْ غَيْرِ الْمَغْضُوبِ عَلَيْهِمْ
وَلَا الضَّالِّينَ ﴿٧﴾﴾ [الفاتحة: ١-٧]

(Ý nghĩa: Bề tôi cầu xin Allah che chở khỏi Shaytan bị trục xuất (khỏi lòng khoan dung của Ngài)

Nhân Danh Allah, Đấng ĐỘ LƯỢNG, Đấng KHOAN DUNG.

Alhamdulillah (xin tạ ơn, ca ngợi và tán dương Allah), Thượng Đế của vũ trụ và vạn vật. * Đấng ĐỘ LƯỢNG, Đấng KHOAN DUNG. * Đấng Toàn Quyền của Ngày Thương Phạt. * Duy chỉ Ngài bày tôi thờ phượng và duy chỉ Ngài bày tôi cầu xin phù hộ và trợ giúp. * Xin Ngài hướng dẫn bày tôi đến với con đường ngay chính * Con đường của những người đã được Ngài ban cho ân huệ, không phải con đường của những kẻ đã bị Ngài giận dữ và cũng không phải con đường của những kẻ lạc lối. * Cầu xin Allah chấp nhận).

2

Đọc câu Kinh Al-Kursi một lần

﴿اللَّهُ لَا إِلَهَ إِلَّا هُوَ الْحَيُّ الْقَيُّومُ لَا تَأْخُذُهُ
سِنَةٌ وَلَا نَوْمٌ لَّهُ مَا فِي السَّمَوَاتِ وَمَا فِي
الْأَرْضِ مَنْ ذَا الَّذِي يَشْفَعُ عِنْدَهُ إِلَّا
بِإِذْنِهِ يَعْلَمُ مَا بَيْنَ أَيْدِيهِمْ وَمَا خَلْفَهُمْ
وَلَا يُحِيطُونَ بِشَيْءٍ مِّنْ عِلْمِهِ إِلَّا بِمَا
شَاءَ وَسِعَ كُرْسِيُّهُ السَّمَوَاتِ وَالْأَرْضَ وَلَا
يَئُودُهُ حِفْظُهُمَا وَهُوَ الْعَلِيُّ الْعَظِيمُ﴾

[البقرة: ٥٥٢]

(ý nghĩa: Allah (là Thượng Đế),
không có Thượng Đế (đích thực)

nào ngoài Ngài, Đấng Hằng Sống, Đấng Bất Diệt, Ngài không ngủ và cũng không buồn ngủ. Tất cả vạn vật trong các tầng trời và tất cả vạn vật trong trái đất đều thuộc về Ngài. Không ai có quyền can thiệp (biện minh, cầu xin ân xá cho ai) trước Ngài trừ phi Ngài cho phép. Ngài biết hết mọi điều xảy ra phía trước họ và đằng sau họ, không một ai đủ năng lực biết được kiến thức của Ngài ngoài trừ điều nào Ngài muốn cho y biết. Kursi (Bệ gác chân) của Ngài bao trùm hết cả các tầng trời và trái đất, và việc quản lý trời đất không làm Ngài mỏi mệt bởi Ngài là Đấng Tối Thượng, Đấng Vĩ Đại.)

3

Đọc ba chương cuối 112, 113 và 114 – Al-Ikhlās, Al-Falaq và An-Nas, rồi phun vào hai lòng bàn tay mà vuốt lên vị trí bị đau, lặp lại như thế ba lần.

﴿قُلْ هُوَ اللَّهُ أَحَدٌ ۝ اللَّهُ الصَّمَدُ ۝ لَمْ يَلِدْ وَلَمْ يُولَدْ ۝﴾
[سورة الإخلاص] ﴿أَحَدٌ ۝﴾

(ý nghĩa: Người (Thiên Sứ Muhammad) hãy nói: “Ngài là Allah, Đấng Duy Nhất.” * “Allah là Đấng Tự Hữu (Ngài không cần ai nhưng tất cả đều cần Ngài).” *

“Ngài không sinh ra ai và cũng không do ai sinh ra, (mà là Đấng Tạo Hóa).” * “Và không có một ai (cái gì) có thể so sánh cùng Ngài.”)

﴿قُلْ أَعُوذُ بِرَبِّ الْفَلَقِ ﴿١﴾ مِنْ شَرِّ مَا
خَلَقَ ﴿٢﴾ وَمِنْ شَرِّ غَاسِقٍ إِذَا وَقَبَ ﴿٣﴾ وَمِنْ
شَرِّ النَّفَّاثَاتِ فِي الْعُقَدِ ﴿٤﴾ وَمِنْ شَرِّ حَاسِدٍ
إِذَا حَسَدَ ﴿٥﴾﴾ [سورة الفلق]

(ý nghĩa: Người (Thiên Sứ Muhammad) hãy nói: “Bề tôi cầu xin Thượng Đế của bình minh che chở. * “Tránh khỏi những điều xấu mà Ngài đã tạo.” * “Tránh khỏi

những điều xấu của bóng đêm khi nó bao phủ.” * “Tránh khỏi những điều xấu từ những kẻ phù phép vào những chiếc gút thắt.” * “Và tránh khỏi sự hãm hại của những kẻ ganh ghét và đố kỵ.”)

﴿قُلْ أَعُوذُ بِرَبِّ النَّاسِ ﴿١﴾ مَلِكِ النَّاسِ ﴿٢﴾
إِلَهِ النَّاسِ ﴿٣﴾ مِنْ شَرِّ الْوَسْوَاسِ الْخَنَّاسِ ﴿٤﴾
الَّذِي يُوسْوِسُ فِي صُدُورِ النَّاسِ ﴿٥﴾ مِنْ
الْجَنَّةِ وَالنَّاسِ ﴿٦﴾﴾ [سورة الناس]

(ý nghĩa: Người (Thiên Sứ Muhammad) hãy nói: “Bề tôi cầu xin Thượng Đế của nhân loại che chở.” * “Vị Vua của nhân loại.”

* “Thượng Đế của nhân loại.” *
“Tránh khỏi những điều xấu của kẻ
thì thào quấy nhiễu.” * “Kẻ thường
thì thào vào lòng của nhân loại.” *
“Từ loài Jinn và loài người.”)



«اللَّهُمَّ رَبَّ النَّاسِ أَذْهِبِ الْبَاسَ، اشْفِ
أَنْتَ الشَّافِي، لَا شِفَاءَ إِلَّا شِفَاؤُكَ، شِفَاءً
لَا يُغَادِرُ سَقَمًا»

*Ol lo hum ma rab banh naa si azd
hi bil ba'sa, ish fi anh tash shaa fi,
laa shi faa a il laa shi faa uk, shi faa
anh laa y gho di ru sa qo ma.*

(ý nghĩa: Lạy Allah, Thượng Đế

của loài người hãy xua tan hết mọi bệnh tật, đau đớn, xin hãy chữa lành bệnh chính Ngài là Đấng Chữa Bệnh, bởi lẽ không được khỏi bệnh nếu không được Ngài cho khỏi, và xin đừng chữa lại bất cứ bệnh tật nào nữa.)

Dùng tay phải nắm lấy chỗ đau hoặc người bệnh mà cầu xin lời cầu xin này.



«بِسْمِ اللَّهِ، تُرْبَةُ أَرْضِنَا، بَرِيْقَةٌ بَعْضِنَا،
يُشْفَى سَقِيمُنَا، بِإِذْنِ رَبِّنَا»

*Bis mil la-h, tur ba tu ar dhi naa, bi
ri qo ti ba' dhi naa, yush faa sa qi
mu naa bi izd ni rab bi naa.*

(ý nghĩa: Nhân danh Allah, với sự hoà
lẫn giữa đất và nước bọt của bầy tôi,
chữa lành mọi bệnh tật cho bầy tôi
theo ý muốn của Thượng Đế bầy tôi.)

(Nhỏ nước bọt lên ngón tay, rồi chỉ
xuông đất, sau đó đặt lên vị trí bị
đau hoặc bị thương mà cầu xin lời
lẽ này.)

6

«بِسْمِ اللَّهِ» «أَعُوذُ بِاللَّهِ وَقُدْرَتِهِ مِنْ شَرِّ
مَا أَجِدُ وَأُحَاذِرُ»

*Bis mil la-h, a 'u zdu bil la hi wa
qud ro ti hi, min shar ri maa a ji du,
wa u haa zdir.*

(ý nghĩa: Nhân danh Allah, bề tôi
khẩn cầu Allah và quyền năng của
Ngài che chở khỏi những cơn đau
đang chịu và điều lo lắng (về bệnh
tật của mình))

(Đặt bàn tay lên vị trí đau rồi nói ba
lần câu Bis mil la-h và đọc câu còn
lại bảy lần.)



«أَعُوذُ بِكَلِمَاتِ اللَّهِ التَّامَّةِ، مِنْ كُلِّ
شَيْطَانٍ وَهَامَّةٍ، وَمِنْ كُلِّ عَيْنٍ لَامَّةٍ»

*A 'u zdu bi ka li maa til laa hit ta-m
mah, min kul li shay to nin wa ha-m
mah, wa min kul li 'ai nin la-m mah.*

(ý nghĩa: Bề tôi cầu xin bởi những lời phán hoàn hảo của Allah che chở tránh khỏi loài Shaytan, khỏi mọi loài độc hại, và mọi ánh nhìn hiểm khích.)



«أَعُوذُ بِكَلِمَاتِ اللَّهِ التَّامَّاتِ مِنْ شَرِّ مَا
خَلَقَ»

*A 'u zdu bi ka li maa til la hit ta-m
ma-t, min shar ri maa kha laq.*

(ý nghĩa: Bề tôi cầu xin bởi những lời phán hoàn hảo của Allah che chở tránh khỏi mọi điều xấu và điều bất lợi mà Ngài đã tạo.)

9

«بِسْمِ اللَّهِ الَّذِي لَا يَضُرُّ مَعَ اسْمِهِ شَيْءٌ،
فِي الْأَرْضِ، وَلَا فِي السَّمَاءِ، وَهُوَ السَّمِيعُ
الْعَلِيمُ»

*Bis mil la hil la zdi laa ya dhur ru
ma 'as mi hi shay un fil ar dhi, wa
laa fis sa maa i, wa hu was sa mi
'ul 'a li-m.*

(ý nghĩa: Nhân danh Allah, Đấng
mà không có vật thể nào trên trời
hay dưới đất làm ảnh hưởng đến
uy danh của Ngài và Ngài là Đấng
Hằng Nghe, Đấng Am Tường.)

(nói ba lần)

10

«بِسْمِ اللَّهِ أَرْقِيكَ، مِنْ كُلِّ شَيْءٍ يُؤْذِيكَ،
مِنْ شَرِّ كُلِّ نَفْسٍ أَوْ عَيْنٍ حَاسِدٍ، اللَّهُ
يَشْفِيكَ بِاسْمِ اللَّهِ أَرْقِيكَ»

*Bis mil laa hi ar qi ka, min kul li
shay in yu'zdi ka, min shar ri kul li
naf sin âu 'ay ni haa si din, ol lo hu
yash fi ka, bis mil laa hi ar qi ka.*

(ý nghĩa: Tôi niệm chú bằng uy danh của Allah xua tan khỏi cho anh (chị) mọi điều xấu gây hại anh (chị), mọi hành động xấu của con người hoặc của ánh mắt hiềm khích, Allah chữa lành bệnh cho anh (chị) nhân danh Allah mà tôi niệm chú.)



«أَسْأَلُ اللَّهَ الْعَظِيمَ رَبَّ الْعَرْشِ الْعَظِيمِ
أَنْ يَشْفِيكَ»

*As a lul lo hal ‘a zhi-m, rab bal ‘ar
shil ‘a zhi-m anh yash fi ya ka.*

(ý nghĩa: Tôi khấn cầu Allah Vĩ Đại,
Thượng Đế của chiếc ngai vương vĩ
đại chữa lành bệnh cho anh (chị).)

(Đọc 7 lần, nếu tự cầu xin cho mình
thì đọc: As a lul lo hal ‘a zhi-m, rab
bal ‘ar shil ‘a zhi-m anh yash fi ya
ni.)

Có một số điều kiện và lưu ý cần nhắc nhở những ai muốn đọc niệm chú, gồm:



Lời niệm chú phải chính xác được trích ra từ Kinh Qur'an và Sunnah, hoàn toàn không liên quan gì đến Shirk, Bid'ah, và mọi điều Haram dù bằng hình thức hoặc bằng lời niệm chú.



Tín đồ Muslim phải đặt trọn niềm tin nơi Allah và phó thác cho Ngài, nên nhớ lời niệm chú chỉ là lý do để được khỏi bệnh chứ nó hoàn toàn không có tác dụng trừ phi Allah muốn.

3

Tuyệt đối không bỏn cợt với lời niệm chú bằng cách dùng thử, ngược lại, cả hai người đọc niệm chú và người được đọc cho đều hết lòng tin tưởng rằng lời niệm chú này sẽ tác động và chữa khỏi bệnh.

4

Tất cả mỗi câu Kinh trong Kinh Qur'an đều là liều thuốc chữa bệnh, bởi Allah Tối Cao phán:

﴿وَنُنَزِّلُ مِنَ الْقُرْآنِ مَا هُوَ شِفَاءٌ وَرَحْمَةٌ

لِّلْمُؤْمِنِينَ﴾ [الإسراء: ٨٢]

{TA (Allah) ban xuống trong Qur'an

phương thuốc chữa lành (bệnh tật) và hồng phúc cho những người có đức tin} (chương 17 – Al-Isra': 82), tuy nhiên, nên ưu tiên cho các câu Kinh đã liệt kê.



Tốt nhất là người bệnh tự đọc các lời niệm chú này, điều này mang lại nhiều lợi ích hơn cho người bệnh, bởi nó thể hiện lòng trung thực nhiều hơn của một nô lệ nghèo nàn rất cần đến sự giúp đỡ của Đấng Thượng Đế, và thể hiện sự thành tâm cao hơn nên có tác dụng lớn hơn.



صَحِيحُ الدُّعَا وَالشَّكْرِ عَلَى اللَّهِ تَعَالَى

**Mga Panalanging
PCác lời tụng niệm
sáng và chiều**



«لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ وَحْدَهُ لَا شَرِيكَ لَهُ، لَهُ
الْمُلْكُ وَلَهُ الْحَمْدُ، وَهُوَ عَلَى كُلِّ شَيْءٍ
قَدِيرٌ»

*Laa i laa ha il lol lo hu wah da hu
laa sha ri ka lah, la hul mul ku, wa
la hul ham du, wa hu wa 'a la kul li
shay in qo di-r.*

(ý nghĩa: Không có Thượng Đế nào
đích thực ngoại trừ Allah duy nhất
không có cộng tác với Ngài, mọi
quyền thống trị, mọi lời ca ngợi đều
là của Ngài và Ngài toàn năng trên
tất cả mọi thứ.)

Đọc mười lần



«أَصْبَحْنَا وَأَصْبَحَ الْمَلِكُ لِلَّهِ، وَالْحَمْدُ لِلَّهِ،
لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ وَحْدَهُ لَا شَرِيكَ لَهُ، اللَّهُمَّ
إِنِّي أَسْأَلُكَ خَيْرَ مَا فِي هَذَا الْيَوْمِ، وَخَيْرَ
مَا بَعْدَهُ، وَأَعُوذُ بِكَ مِنْ شَرِّ مَا فِي هَذَا
الْيَوْمِ، وَشَرِّ مَا بَعْدَهُ، اللَّهُمَّ إِنِّي أَعُوذُ بِكَ
مِنَ الْكَسَلِ، وَالْهَرَمِ، وَسُوءِ الْكِبَرِ، وَفِتْنَةِ
الدُّنْيَا، وَعَذَابِ الْقَبْرِ»

*Os bah naa, wa os ba hal mul ku lil
lah, wal ham du lil lah, laa i laa ha
il lol lo hu wah da hu laa sha ri ka
lah, la hul mul ku, wa la hul ham
du, wa hu wa 'a la kul li shay in qo*

*di-r. Ol lo hum ma in ni as a lu ka
khai ro maa fi haa zal yâu mi, wa
khai ro maa ba' dah; wa a 'u zdu
bi ka min shar ri maa fi haa zal yâu
mi, wa shar ri maa ba' dah. Ol lo
hum ma in ni a 'u zdu bi ka mi nal
ka sal, wal ha ram, wa su il ki bar,
wa fit na tit dun ya, wa 'a zaa bin fil
qob ri.*

(ý nghĩa: Bình minh đã trở lại với
bầy tôi nhưng quyền thống trị, và
mọi lời ca ngợi vẫn là của Allah, mà
không có Thượng Đế nào đích thực
ngoại trừ Allah duy nhất không có
cộng tác với Ngài, mọi quyền thống
trị, mọi lời ca ngợi đều là của Ngài
và Ngài toàn năng trên tất cả mọi

thứ. Lạy Allah, bề tôi thành khẩn Ngài ban cho mọi điều tốt đẹp của ngày hôm nay và của ngày mai, cũng như khẩn cầu Ngài che chở khỏi mọi điều xấu của ngày hôm nay và của ngày mai. Lạy Allah, cầu xin Ngài che chở khỏi sự lừa dối, khỏi sự lú lẫn, khỏi sự tự cao, khỏi mọi đại nạn, khỏi sự cuộc thử thách của cuộc sống và khỏi mọi sự trừng phạt nơi cõi mộ.)

Nói khi trời sáng

«أَمْسَيْنَا وَأَمْسَى الْمَلِكُ لِلَّهِ، وَالْحَمْدُ لِلَّهِ،
لَا إِلَهَ إِلَّا اللَّهُ وَحْدَهُ لَا شَرِيكَ لَهُ، اللَّهُمَّ
إِنِّي أَسْأَلُكَ خَيْرَ مَا فِي هَذِهِ اللَّيْلَةِ، وَخَيْرِ

مَا بَعْدَهَا، وَأَعُوذُ بِكَ مِنْ شَرِّ مَا فِي هَذِهِ
الَّيْلَةِ، وَشَرِّ مَا بَعْدَهَا، اللَّهُمَّ إِنِّي أَعُوذُ
بِكَ مِنَ الْكَسَلِ، وَالْهَرَمِ، وَسُوءِ الْكِبَرِ،
وَفِتْنَةِ الدُّنْيَا، وَعَذَابِ الْقَبْرِ»

*Am say naa, wa am sal mul ku lil
lah, wal ham du lil lah, laa i laa ha
il lol lo hu wah da hu laa sha ri ka
lah, la hul mul ku, wa la hul ham
du, wa hu wa 'a la kul li shay in qo
di-r. Ol lo hum ma in ni as a lu ka
khai ro maa fi ha zdi hil lay lah, wa
khai ro maa ba' da haa; wa a 'u zdu
bi ka min shar ri maa fi ha zdi hil
lay lah, wa shar ri maa ba' da haa.
Ol lo hum ma in ni a 'u zdu bi ka mi*

*nal ka sal, wal ha ram, wa su il ki
bar, wa fit na tit dun ya, wa 'a zaa
bin fil qob ri.*

(ý nghĩa: Buổi chiều đã trở lại với
bầy tôi nhưng quyền thống trị, và
mọi lời ca ngợi vẫn là của Allah, mà
không có Thượng Đế nào đích thực
ngoại trừ Allah duy nhất không có
cộng tác với Ngài, mọi quyền thống
trị, mọi lời ca ngợi đều là của Ngài
và Ngài toàn năng trên tất cả mọi
thứ. Lạy Allah, bẻ tôi thành khăn
Ngài ban cho mọi điều tốt đẹp của
đêm nay và của đêm mai, cũng như
khăn cầu Ngài che chở khỏi mọi
điều xấu của đêm nay và của đêm
mai. Lạy Allah, cầu xin Ngài che

— Mga Panalanging PCác lời tụng niệm sáng và chiều —

chở khỏi sự lười biếng, khỏi sự lú lẫn, khỏi sự tự cao, khỏi mọi đại nạn, khỏi sự cuộc thử thách của cuộc sống và khỏi mọi sự trừng phạt nơi cõi mộ.)

Nói lời này khi chiều đến



«اللَّهُمَّ أَنْتَ رَبِّي لَا إِلَهَ إِلَّا أَنْتَ خَلَقْتَنِي،
وَأَنَا عَبْدُكَ، وَأَنَا عَلَى عَهْدِكَ وَوَعْدِكَ مَا
اسْتَطَعْتُ، أَعُوذُ بِكَ مِنْ شَرِّ مَا صَنَعْتُ،
أَبُوءُ لَكَ بِنِعْمَتِكَ عَلَيَّ، وَأَبُوءُ لَكَ بِذَنْبِي
فَاغْفِرْ لِي فَإِنَّهُ لَا يَغْفِرُ الذُّنُوبَ إِلَّا أَنْتَ»

*Ol lo hum ma anh ta rab bi, laa i laa
ha il laa anh ta, kho laq ta ni, wa a
na 'ab duk, wa a na 'a la 'ah dik, wa
wa 'dik, mas ta to' tu, a 'u zdu bi ka
min shar ri maa so na' tu, a bu u la ka
bi ne' ma ti ka 'a lay, wa a bu u la ka
bi zdam bi, fagh fir li, fa in na hu laa
yagh fi ruzd zdu nu ba il laa anh ta.*

(ý nghĩa: Lạy Allah, Ngài là Thượng Đế của bề tôi mà không có Thượng Đế nào đích thực ngoại trừ Ngài, Ngài đã sáng tạo ra bề tôi, và bề tôi chính là nô lệ của Ngài. Bề tôi xin hứa, xin giao ước rằng chỉ tôn thờ Ngài duy nhất và thần phục theo mệnh lệnh của Ngài với tất cả mọi khả năng mà bề tôi (có thể), khẩn xin Ngài che chở bề tôi tránh khỏi mọi điều xấu mà bề tôi đã làm. Bề tôi xin thừa nhận mọi ân huệ mà Ngài đã ban cho và xin thừa nhận những tội lỗi mà bề tôi đã phạm. Khẩn xin Ngài hãy tha thứ cho bề tôi. Quả thực, không có ai có khả năng tha thứ tội lỗi ngoại trừ Ngài.)



«اللَّهُمَّ بِكَ أَصْبَحْنَا، وَبِكَ أَمْسَيْنَا، وَبِكَ
نَحْيَا، وَبِكَ نَمُوتُ، وَإِلَيْكَ الْمَصِيرُ»

*Ol lo hum ma bi ka os bah naa, wa
bi ka am say naa, wa bi ka nah yaa,
wa bi ka na mu-t, wa i lai kal ma
si-r.*

(ý nghĩa: Lạy Allah, khi bình minh
lên và khi hoàng hôn xuống bầy tôi
đều nằm trong sự bảo vệ, trong ân
huệ của Ngài, Ngài ban cho bầy tôi
sự sống và làm cho bầy tôi chết, và
bề tôi trở về trình diện Ngài.)

Buổi sáng nói

«اللَّهُمَّ بِكَ أَمْسَيْنَا وَبِكَ أَصْبَحْنَا وَبِكَ
نَحْيَا وَبِكَ نَمُوتُ وَإِلَيْكَ النُّشُورُ»

*Ol lo hum ma bi ka am say naa, wa
bi ka os bah naa, wa bi ka nah yaa,
wa bi ka na mu-t, wa i lai kan nu
shur.*

(ý nghĩa: Lạy Allah, khi hoàng hôn xuống và khi bình minh lên bây tôi đều nằm trong sự bảo vệ, trong ân huệ của Ngài, Ngài ban cho bây tôi sự sống và làm cho bây tôi chết, và bề tôi trở về trình diện Ngài.)

Buổi chiều nói



«اللَّهُمَّ فَاطِرَ السَّمَوَاتِ وَالْأَرْضِ، عَالِمَ
الْغَيْبِ وَالشَّهَادَةِ، لَا إِلَهَ إِلَّا أَنْتَ رَبَّ كُلِّ
شَيْءٍ وَمَلِيكَهُ، أَعُوذُ بِكَ مِنْ شَرِّ نَفْسِي
وَمِنْ شَرِّ الشَّيْطَانِ وَشَرِّكَهِ، وَأَنْ أَقْتَرِفَ
عَلَى نَفْسِي سُوءًا، أَوْ أُجْرَهُ إِلَى مُسْلِمٍ»

*Ol lo hum ma faa ti ros sa maa waa
ti wal ar dhi, 'ã li mal ghoi bi wash
sha haa dah, laa i laa ha il laa anh
ta, rab ba kul li shay in wa ma li
kah, a 'u zdu bi ka min shar ri naf
si, wa min shar rish shay to ni wa
shir kih, wa anh aq ta ri fa 'a la naf*

*si su anh, âu a jur ro hu i la mus
lim.*

(ý nghĩa: Lạy Allah, Đấng Am Tường mọi việc vô hình và hữu hình, Đấng Khởi Tạo các tầng trời và trái đất, Thượng Đế của tất cả vạn vật và quyền thống trị thuộc về riêng Ngài, bề tôi xin tuyên thệ không có Thượng Đế nào đích thực ngoại trừ Ngài, bề tôi cầu xin Ngài che chở tránh mọi điều xấu của bản thân, của Shaytan và điềm mà hấn tổ hợp, và khẩn cầu Ngài hãy bao dung cho bề tôi khi bề tôi làm lỗi với chính mình hoặc gây hại đến người Muslim khác.)



«بِسْمِ اللَّهِ الَّذِي لَا يَضُرُّ مَعَ اسْمِهِ شَيْءٌ فِي
الْأَرْضِ وَلَا فِي السَّمَاءِ وَهُوَ السَّمِيعُ الْعَلِيمُ»

*Bis mil la hil la zdi laa ya dhur ru
ma 'as mi hi shay un fil ar dhi, wa
laa fis sa maa i, wa hu was sa mi 'ul
'a li-m.*

(ý nghĩa: Nhân danh Allah, Đấng
mà không có vật thể nào trên trời
hay dưới đất làm ảnh hưởng đến
uy danh của Ngài và Ngài là Đấng
Hằng Nghe, Đấng Am Tường.)

Đọc ba lần



«رَضِيْتُ بِاللَّهِ رَبًّا، وَبِالْإِسْلَامِ دِينًا،
وَبِمُحَمَّدٍ صَلَّى اللَّهُ عَلَيْهِ وَسَلَّمَ نَبِيًّا»

*Ro dhi tu bil la hi rab baa, wa bil is
laa mi di naa, wa bi mu ham mad –
so lol lo hu ‘a lay hi wa sal lam – na
bi yaa.*

(ý nghĩa: Tôi đã hài lòng về Allah là
Thượng Đế, về Islam là tôn giáo và
về Muhammad ﷺ là Thiên Sứ.)



«اللَّهُمَّ إِنِّي أَسْأَلُكَ الْعَافِيَةَ فِي الدُّنْيَا
وَالْآخِرَةِ، اللَّهُمَّ إِنِّي أَسْأَلُكَ الْعَفْوَ وَالْعَافِيَةَ
فِي دِينِي وَدُنْيَايَ، وَأَهْلِي وَمَالِي، اللَّهُمَّ اسْتُرْ
عَوْرَاتِي، وَأَمِنْ رَوْعَاتِي، اللَّهُمَّ احْفَظْنِي مِنْ
بَيْنِ يَدَيْ وَمِنْ خَلْفِي، وَعَنْ يَمِينِي وَعَنْ
شِمَالِي، وَمِنْ فَوْقِي، وَأَعُوذُ بِعَظَمَتِكَ أَنْ
أُغْتَالَ مِنْ تَحْتِي»

*Ol lo hum ma in ni as a lu kal 'af
wa' wal 'ã fi ya ta fid dun ya wal ã
khi roh. Ol lo hum ma in ni as a lu
kal 'af wa' wal 'ã fi ya ta fi di ni, wa
dun yai' wa ah li, wa maa li. Ol lo*

*hum mas tur 'âu ro ti, wa ã min râu
'ã ti. Ol lo hum mah fodh ni min bay
na ya day, wa min khol fi, wa 'an ya
mi ni, wa 'an shi maa li, wa min fâu
qi' wa a 'u zdu bi 'a zo ma ti ka an
ugh taa la min tah ti.*

(ý nghĩa: Lạy Allah, khẩn cầu Ngài sự tha thứ và sức khoẻ trần gian và Đời Sau. Lạy Allah, khẩn cầu Ngài sự tha thứ và sự lành mạnh trong tôn giáo của bề tôi, trong cuộc sống của bề tôi, trong gia đình của bề tôi và trong tài sản của bề tôi. Lạy Allah, xin hãy che đậy mọi phần kín của bề tôi, xin hãy trấn an sự hoảng sợ của bề tôi. Lạy Allah, xin hãy bảo vệ bề tôi từ phía trước mặt

— Mga Panalangin PCác lời tụng niệm sáng và chiều —

của bề tôi, từ phía sau của bề tôi, từ bên phải của bề tôi, từ bên trái của bề tôi, từ bên trên bề tôi và bề tôi khấn cầu bởi sự vĩ đại của Ngài che chở bề tôi thoát khỏi sự nắm kéo bắt ngờ ở bên dưới.)



«أَعُوذُ بِكَلِمَاتِ اللَّهِ التَّامَّاتِ مِنْ شَرِّ مَا
خَلَقَ»

*A 'u zdu bi ka li maa til la hit ta-m
ma-t, min shar ri maa kho laq.*

(ý nghĩa: Bề tôi cầu xin bởi những
lời phán hoàn hảo của Allah che chở
tránh khỏi mọi điều xấu và điều bất
lợi mà Ngài đã tạo)



«أَصْبَحْنَا عَلَى فِطْرَةِ الْإِسْلَامِ، وَكَلِمَةِ
الْإِخْلَاصِ، وَدِينِ نَبِيِّنَا مُحَمَّدٍ - صَلَّى اللَّهُ
عَلَيْهِ وَسَلَّمَ - وَمِلَّةِ أَبِيْنَا إِبْرَاهِيمَ حَنِيفًا،
وَمَا كَانَ مِنَ الْمُشْرِكِينَ»

*Os bah naa 'a la fit ro til is la-m,
wa 'a la ka li ma til ikh los, wa 'a la
di ni na bi yi naa mu ham mad - sol
lol lo hu 'a lay hi wa sal lam -, wa
'a la mil la ti a bi naa ib ro him, ha
ni faa, wa maa kaa na mi nal mush
ri ki-n.*

(ý nghĩa: Khi bình minh lên bày tôi
sống trên con đường Islam, bằng sự

thành tâm (trong sự tôn thờ), ở trên tôn giáo của Nabi Muhammad ﷺ của bây tôi và trên giáo phái của tổ tiên Ibrahim, đó là giáo phái chính thống Muslim chứ không phải là những người thờ đa thần.)

Nói khi trời sáng

«أَمْسَيْنَا عَلَى فِطْرَةِ الْإِسْلَامِ، وَكَلِمَةِ
الْإِخْلَاصِ، وَدِينِ نَبِيِّنَا مُحَمَّدٍ - صَلَّى اللَّهُ
عَلَيْهِ وَسَلَّمَ - وَمِلَّةِ أَبِيْنَا إِبْرَاهِيمَ حَنِيفًا،
وَمَا كَانَ مِنَ الْمُشْرِكِينَ»

*Am say naa 'a la fit ro til is laam,
wa 'a la ka li ma til ikh los, wa 'a la
di ni na bi yi naa mu ham mad - sol*

*lol lo hu ‘a lay hi wa sal lam -, wa
‘a la mil la ti a bi naa ib ro him, ha
ni faa wa maa kaa na mi nal mush
ri k.i.n.*

(ý nghĩa: Khi hoàng hôn đến bây tôi sống trên con đường Islam, bằng sự thành tâm (trong sự tôn thờ), ở trên tôn giáo của Nabi Muhammad ﷺ của bây tôi và trên giáo phái của tổ tiên Ibrahim, đó là giáo phái chính thống Muslim chứ không phải là những người thờ đa thần.)

Nói khi chiều đến



«يَا حَيُّ يَا قَيُّومُ بِرَحْمَتِكَ أَسْتَغِيثُ أَصْلِحْ
لِي شَأْنِي كُلَّهُ، وَلَا تَكِلْنِي إِلَى نَفْسِي
ظُرْفَةَ عَيْنٍ»

*Yaa hay yu, yaa qoi yu-m bi roh ma
ti ka as ta ghith, os leh li sha'ni kul
lah, wa laa ta kil ni i la naf si tar fa
ta 'ay nin.*

(ý nghĩa: Hỡi Đấng Hằng Sống, hỡi Đấng Bất Diệt, với lòng thương xót của Ngài bẻ tôi cầu xin sự bao Dung, xin Ngài hãy cải thiện mọi vụ việc của bẻ tôi và chớ đừng để bẻ tôi ỉ vào bản thân mình dù chỉ là nháy mắt.)



«حَسْبِيَ اللَّهُ لَا إِلَهَ إِلَّا هُوَ عَلَيْهِ تَوَكَّلْتُ
وَهُوَ رَبُّ الْعَرْشِ الْعَظِيمِ»

*Has bi yol lo hu laa i laa ha il la hu,
'a lai hi ta wak kal tu, wa hu wa rab
bul 'ar shil 'a zhi-m.*

(ý nghĩa: Allah đã đủ đôi với Ta, không có Thượng Đế đích thực nào khác ngoài Ngài. Ta phó thác cho Ngài. Quả thật, Ngài là Chủ Nhân của chiếc ngai vương vĩ đại.)

Đọc bảy lần



Trở lại 


Trở lại trang nhất

Trích Hadith từ các sách

Thứ nhất: Trích các Hadith tán dương

- 1 Do Muslim ghi số 600
- 2 Do Muslim ghi số 477
- 3 Do Al-Baihaqi ghi trong mục đức tin số 4087, được Sheikh Al-Albani chứng thực là Sahih trong Sahih At-Targhib số 1576
- 4 Do Al-Bukhari ghi số 1120, 7442 và Muslim ghi số 769
- 5 Do Muslim ghi số 2713
- 6 Do Al-Hakim ghi trong Mustadrid của ông số 1920, được Sheikh Al-Albani chứng thực là Sahih trong chuỗi Sahih 267

- 7 Do Abu Dawood ghi số 1493, At-Tirmizdi ghi số 3475, được Sheikh Al-Albani chứng thực là Hasan, là Sahih trong Mishkaatul Masobih số 2/708
- 8 Do Al-Bukhari ghi số 6345 và Muslim ghi số 2730
- 9 Do Abu Dawood ghi số 1525, Ibnu Maajah ghi số 3382, được Sheikh Al-Albani chứng thực là Sahih trong Sahih At-Targhib wat Tarhib số 1824
- 10 Do Muslim ghi số 2696
- 11 Do Ibnu Maajah ghi số 3878, được Sheikh Al-Albani chứng thực là Sahih trong sách của Ibnu Maajah
- 12 Do Muslim ghi số 1218
- 13 Do Al-Bukhari ghi số 6306
- 14 Do Abu Dawood ghi số 1495, At-Tirmizdi ghi số 3544, được Sheikh Al-Albani chứng thực là Sahih trong

Mishkaatul Masobih số 2/708

- 15 Do At-Tobari ghi trong Al-Awsod số 7324, được Sheikh Al-Albani chứng thực là Sahih trong At-Targhib số 1839
- 16 Do Ahmad ghi số 6/24, Abu Dawood ghi số 873, được Sheikh Al-Albani chứng thực là Sahih trong Mishkaatul Masobih số 2/192
- 17 Do Abu Dawood ghi số 874, An-Nasaa-i ghi số 1069, được Sheikh Al-Albani chứng thực là Sahih trong Sahih Sunan của An-Nasaa-i số 3/289
- 18 Do Muslim ghi số 601

Thứ hai: Trích các Hadith từ lời cầu xin Salah

- 1 Do Al-Bukhari ghi số 744 và Muslim ghi số 598
- 2 Do Muslim ghi số 770

- 3 Do Muslim ghi số 771
- 4 Do Al-Bukhari ghi số 794 và Muslim ghi số 484
- 5 Do Muslim ghi số 486
- 6 Do Muslim ghi số 483
- 7 Do Al-Bukhari ghi số 6316 và Muslim ghi số 763
- 8 Do Al-Bukhari ghi số 1377 và Muslim ghi số 588
- 9 Do Abu Dawood ghi số 1522, An-Nasaa-i ghi số 1303, được Sheikh Al-Albani chứng thực là Sahih trong Mishkaatul Masobih số 1/299
- 10 Do Muslim ghi số 771
- 11 Do Al-Bukhari ghi số 798 và Muslim ghi số 589
- 12 Do Abu Dawood ghi số 792, Ibnu Maajah ghi số 910, được Sheikh Al-Albani

chứng thực là Sahih trong Al-Jami-‘us Soghir số 1/604

- 13 Do Al-Bukhari ghi số 2822, 6390
- 14 Do Al-Bukhari ghi số 834 và Muslim ghi số 2705
- 15 Do Al-Hakim ghi trong Mustadrid của ông số 190, được chứng thực là Sahih
- 16 Do Muslim ghi số 709

Thứ ba: Trích các Hadith từ lời cầu xin và khẩn cầu của Nabi

- 1 Do Al-Bukhari ghi số 6389 và Muslim ghi số 2690
- 2 Do Muslim ghi số 2697
- 3 Do At-Tirmizdi ghi số 3563 được xác định là Hasan, Sheikh Al-Albani xác định đường truyền là Sahih số 1/532
- 4 Do Muslim ghi số 2654, về đường truyền: (يَا مُقَلَّبَ الْقُلُوبِ ثَبِّتْ قَلْبِي عَلَى دِينِكَ)

(ý nghĩa: Lạy Đấng Lật Trở con tim, xin Ngài hãy cố định con tim của bề tôi trên tôn giáo của Ngài) Do At-Tirmizdi ghi số 3522 và nói: “Đây là Hadith Hasan”

- 5 Do Ahmad ghi số 6/134, Ibnu Maajah ghi số 2/1264, được Sheikh Al-Albani chứng thực là Sahih trong Al-Jami-‘us Soghir số 1/274
- 6 Do At-Tirmizdi ghi số 3524, An-Nasaa-i ghi trong As-Sunan Al-Kubro số 9/212, được Sheikh Al-Albani chứng thực là Hasan trong Al-Jame’ số 1913 – 5820
- 7 Do Ahmad ghi số 4318, được Sheikh Al-Islam và học trò ông là Ibnu Al-Qaiyim chứng thực là Sahih, xem trong Shafaa-ul ‘Alil trang 274
- 8 Do Ibnu Hibban ghi số 974, và nói

mục: (Liệt kê điều con người nên cầu xin khi cầu xin Đấng Tạo Hoá Hiên Vinh và Tối Cao tạo dễ dàng mọi việc khi bị khó khăn) được Al-Albani chứng thực là Sahih trong bộ Os-Sohihah số 2886

9 Do Muslim ghi số 2721, Sheikh As-Sa'di nói: Allah thương xót cho lời cầu xin này: “Lời cầu xin này là lời cầu xin tổng hợp và hữu ích nhất, nó bao gồm mọi điều tốt đẹp trong tôn giáo và cuộc sống” bằng cả trái tim trong sáng và ánh mắt thoả mãn, trang 205

10 Do Muslim ghi số 2725

11 Do Muslim ghi số 2720

12 Do At-Tirmizdi ghi số 3513 và nói: Đây là Hadith Hasan, Sahih

13 Do At-Tirmizdi ghi số 3502, An-Nasaa-i ghi trong As-Sunan Al-Kubro

- số 10161, được Al-Albani chứng thực là Sahih trong Sahih Al-Jame' số 1268
- 14 Do At-Tirmizdi ghi và nói: Đây là Hadith Hasan, Sahih
- 15 Do Ahmad ghi số 22109, At-Tirmizdi ghi số 3235 và nói: Đây là Hadith Hasan, Sahih
- 16 Do At-Tobari ghi trong Al-Kubro số 7135, và Al-Albani nói trong bộ Os-Sohihah: “Đường truyền này tốt”
- 17 Do Ahmad ghi số 1718, Abu Dawood ghi số 1425, được Sheikh Al-Albani chứng thực là Sahih trong Mishkaatul Masobih số 1273
- 18 Do Ahmad ghi số 18325, An-Nasaa-i ghi số 1305, được Sheikh Al-Albani chứng thực là Sahih trong Sahih Al-Jame' số 1301

- 19 Do Al-Bukhari ghi số 1200 trong mục văn hoá đơn lẻ, Abu Dawood ghi số 5074, được Sheikh Al-Albani chứng thực là Sahih trong Sahih văn hoá đơn lẻ số 912

Thứ tư: Trích Hadith từ những lời cầu xin che chở

- 1 Do Muslim ghi số 2716, trong Sunan An-Nasaa-i số 5524
- 2 Do Al-Bukhari ghi số 716 trong mục văn hoá đơn lẻ, được Sheikh Al-Albani chứng thực là Sahih trong Sahih Al-Jami ‘us Soghir số 1/694
- 3 Do Muslim ghi số 2739
- 4 Do At-Tirmizdi ghi số 3591, At-Tobari ghi trong Al-Kabir số 36, được Sheikh Al-Albani chứng thực là Sahih trong Sahih Al-Jame’ số 1/278

- 5 Do Al-Bukhari ghi số 6616 và Muslim ghi số 2707
- 6 Do Muslim ghi số 2722
- 7 Do Al-Bukhari ghi số 2893 và Muslim ghi số 2706
- 8 Do Abu Dawood ghi số 1551, At-Tirmizdi ghi số 3492, được Sheikh Al-Albani chứng thực là Sahih trong Sahih Al-Jame' số 2/811
- 9 Do Al-Bukhari ghi số 6376 và Muslim ghi số 589
- 10 Do Muslim ghi số 2717
- 11 Do Abu Dawood ghi số 1554, An-Nasaa-i ghi số 5493, được Sheikh Al-Albani chứng thực là Sahih trong Sahih Al-Jame' số 1/275
- 12 Do At-Tobari ghi trong Al-Kubro số 810, được Sheikh Al-Albani chứng thực là Hasan trong Sahih Al-Jame' số 1299

- 13 Do Muslim ghi số 2867, Ahmad ghi số 2667

Thứ năm: Trích Hadith từ những lời niệm chú

- 1 Do Al-Bukhari ghi số 5749 và Muslim ghi số 2201, trong Sunan At-Tirmizdi số 2063, rằng Người đã niệm chú bằng chương Al-Fatihah đến bảy lần
- 2 Do Muslim ghi số 810, được truyền lại đây là câu kinh vĩ đại nhất trong Kinh Qur'an, và được ghi trong bộ Sahih Al-Bukhari số 2311 rằng câu Kinh bảo vệ khỏi lũ Shaytan
- 3 Do Al-Bukhari ghi số 5735, 5748 và Muslim ghi số 2192
- 4 Do Al-Bukhari ghi số 5742, 5743

5 Do Al-Bukhari ghi số 5745, 5746 và Muslim ghi số 2194

Tham khảo thêm phần phân tích Hadith này trong bộ phân tích của An-Nawawi về Sahih Muslim số 14/184

6 Do Muslim ghi số 2202

7 Do Al-Bukhari ghi số 3371

8 Do Muslim ghi số 2709

9 Do Abu Dawood ghi số 5088, Ibnu Maajah ghi số 3869, được Sheikh Al-Albani chứng thực là Sahih trong Mishkaatul Masobih số 2391

10 Do Muslim ghi số 2186

11 Do Abu Dawood ghi số 3106, At-Tirmizdi ghi số 2083, được Sheikh Al-Albani chứng thực là Sahih trong Sahih At-Targhib số 3480

Thứ sáu: Trích Hadith từ những lời tụng niệm sáng và chiều

- ❶ Do Ahmad ghi số 8719, được Ibnu Baz chứng thực đường truyền là Hasan trong phần nghiên cứu của ông (Tuhfatul Akhya-r)
- ❷ Do Muslim ghi số 2723
- ❸ Do Al-Bukhari ghi số 3606
- ❹ Do Abu Dawood ghi số 5068, At-Tirmizdi ghi số 3391, được Ibnu Baz chứng thực đường truyền là Sahih
- ❺ Do Ahmad ghi số 6597, Abu Dawood ghi số 5076, At-Tirmizdi ghi số 3529, Al-Bukhari ghi trong văn hoá đơn lẻ và được Ibnu Baz chứng thực là Hasan
- ❻ Do Ahmad ghi số 446, At-Tirmizdi ghi số 10179 và nói Hasan, Sahih
- ❼ Do Ahmad ghi số 18967, At-Tirmizdi ghi số 3389, được Ibnu Baz chứng

thực đường truyền là Hasan

- 8 Do Ahmad ghi trong Al-Musnad số 4785, Abu Dawood ghi số 5074, được Al-Hakim chứng thực là Sahih
- 9 Do Ahmad ghi số 7898, At-Tirmizdi ghi số 3437, được Ibnu Baz chứng thực đường truyền là Hasan
- 10 Do Ahmad ghi số 21144, 15367 và được Ibnu Baz chứng thực đường truyền là Sahih
- 11 Do An-Nasaa-i ghi số 10405, Al-Bazzar ghi số 2/282 và được Al-Albani chứng thực là Hasan trong chuỗi Sahih số 1/449
- 12 Do Abu Dawood ghi số 5081, được Al-Albani chứng thực, xem trong chuỗi Sahih 11/449

العلمية
الوقفية

اقتداء

Hội Noi Gương Công Hiến Kiến Thức

Chú trọng đến việc truyền tải đường lối Sunnah
của Nabi ﷺ và các lời tụng niệm hằng ngày

Chúng tôi rất vui được liên hệ cùng bạn:

00966503766222

 doa.eqtidaa.com



@eqtidaa1

